

BẢN TIN

Doanh nghiệp và

Tự do hóa thương mại

Số 23+24, Quý I+II/2021

 www.trungtamwto.vn

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

SAU HAI NĂM THỰC THI
HIỆP ĐỊNH CPTPP





Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”, ấn phẩm xuất bản hàng quý của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới.

Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp. Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 35771458

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn

Facebook.com/trungtamwtovahoinhap



MỤC LỤC

TIN VIỆT NAM

Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 **05**

Các ngành hàng tận dụng cơ hội từ các FTA thế hệ mới để tăng trưởng xuất khẩu trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 **16**

Thực thi Hiệp định VPA-FLEGT: Bảo đảm gỡ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm công của Việt Nam **20**

Việt Nam rà soát chính sách thương mại tại WTO lần thứ 2 **24**

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Vương quốc Anh chính thức có hiệu lực **13**

Doanh nghiệp phía Nam nỗ lực vừa phòng chống dịch bệnh vừa sản xuất kinh doanh **18**

Tăng trưởng xuất khẩu sang Canada nhờ CPTPP **22**

Tình hình các vụ kiện phòng vệ thương mại liên quan đến Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 **25**

Tổng hợp diễn tiến các vụ điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) liên quan tới hàng hóa xuất, nhập khẩu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 **27**

TIN QUỐC TẾ

Diễn tiến các điểm nóng căng thẳng thương mại

Mỹ - Trung: Cuộc chiến chưa có hồi kết

Trung - Australia: Rạn nứt ngày càng lớn

Mỹ - Canada: Tranh chấp thương mại đầu tiên trong khuôn khổ USMCA

EU - Trung Quốc: Quan hệ EU - Trung Quốc bất ngờ sóng gió

Mỹ - EU: Hàn gắn quan hệ đối tác **34**

Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản, và Thái Lan phê chuẩn RCEP **41**

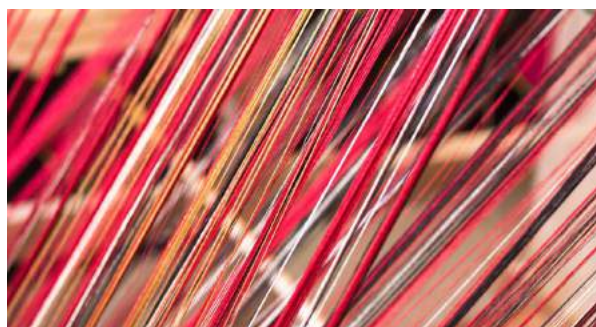
Anh chính thức nộp đơn gia nhập Hiệp định CPTPP **42**

Giá cước vận tải biển tăng cao kỷ lục **44**

Israel và Hàn Quốc chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do song phương **46**

CHUYÊN ĐỀ

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM SAU HAI NĂM THỰC THI HIỆP ĐỊNH CPTPP **48**





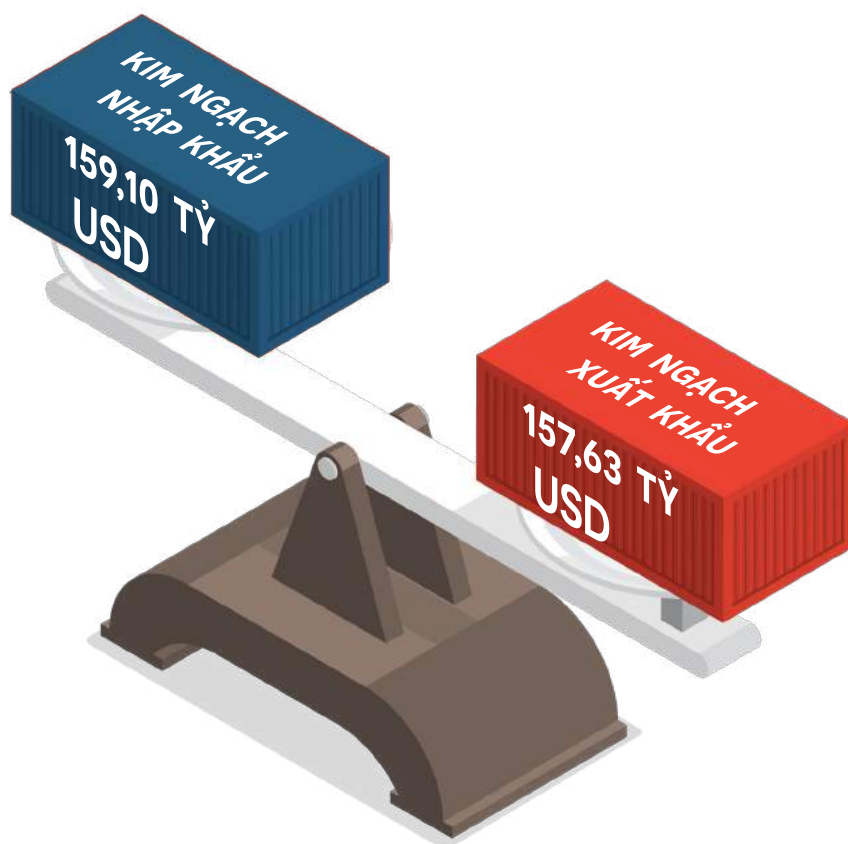
BỨC TRANH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

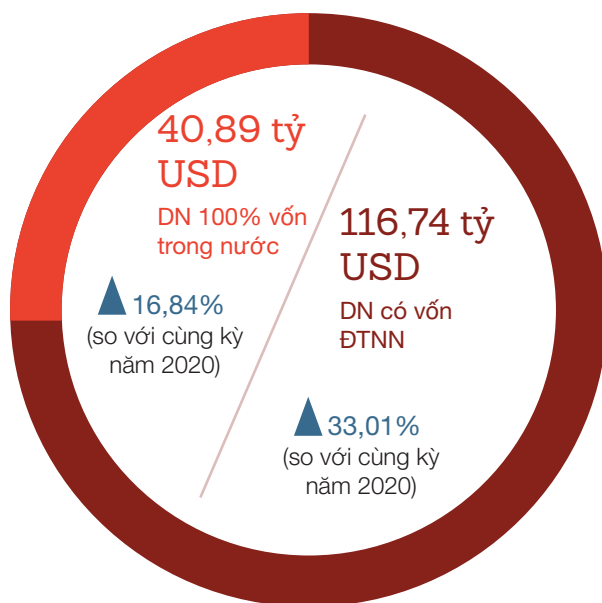
(Nguồn: Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Cán cân thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam
6 tháng đầu năm 2021

TỔNG KIM NGẠCH XNK
316.73 TỶ USD

THÂM HỤT THƯƠNG MẠI
1.47 TỶ USD



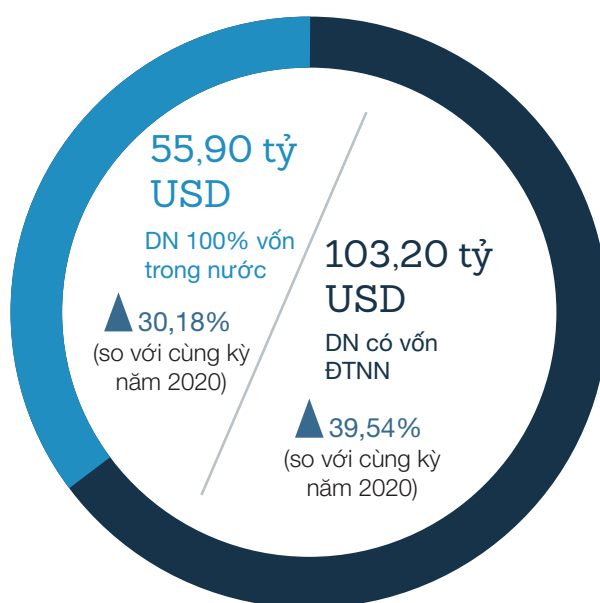


Tỷ lệ xuất khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp (tỷ USD)

- Doanh nghiệp 100% vốn trong nước
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Tỷ lệ nhập khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp (tỷ USD)

- Doanh nghiệp 100% vốn trong nước
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài



Nhận xét:

- Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu, xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng, lần lượt là 28,4% và 36,1% so với cùng kỳ năm trước. Có thể nói các doanh nghiệp Việt Nam đã tranh thủ tận dụng được cơ hội sản xuất kinh doanh trong giai đoạn đầu năm, khi dịch bệnh được kiểm soát tương đối ở Việt Nam và nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại ở nhiều thị trường xuất khẩu. Một phần lý do khác đóng góp vào việc tăng kim ngạch xuất nhập khẩu trong nửa đầu năm là xu hướng tăng giá của nhiều mặt hàng, bao gồm cả nguyên phụ liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu.
- Cán cân thương mại của Việt Nam có sự chuyển đổi từ xuất siêu (5 năm liên tiếp 2016-2020) sang nhập siêu 1,47 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2021. Đáng chú ý là khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,01 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) xuất siêu 13,54 tỷ USD. Đặt trong bối cảnh các doanh nghiệp trong nước chỉ đóng góp xấp xỉ 25% kim ngạch xuất khẩu, 75% còn lại thuộc về FDI, sự bất đối xứng trong cán cân xuất siêu – nhập siêu của hai nhóm này cho thấy tình trạng nhập siêu của nửa đầu năm nếu tiếp tục có thể dẫn tới những rủi ro chưa lường hết được.

Những mặt hàng xuất nhập khẩu chính của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020

Tốp 10 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam



Điện thoại các loại
và linh kiện

25,07 tỷ USD

▲ 14,19%



Máy vi tính, sản
phẩm điện tử
và linh kiện

23,73 tỷ USD

▲ 22,07%



Máy móc, thiết bị,
dụng cụ phụ tùng
khác

17,02 tỷ USD

▲ 63,43%



Hàng dệt may

15,23 tỷ USD

▲ 14,94%



Giày dép các loại

10,40 tỷ USD

▲ 27,84%



Gỗ và sản phẩm gỗ

8,13 tỷ USD

▲ 61,06%



Phương tiện vận
tải và phụ tùng

5,37 tỷ USD

▲ 42,82%



Sắt thép các loại

4,56 tỷ USD

▲ 118,93%



Hàng thủy sản

4,05 tỷ USD

▲ 12,51%



Xơ, sợi dệt
các loại

2,61 tỷ USD

▲ 62,22%

Tốp 10 mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam



Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện

33,33 tỷ USD

▲ 22,86%



Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác

22,91 tỷ USD

▲ 37,33%



Điện thoại các loại và linh kiện

8,87 tỷ USD

▲ 48,69%



Vải các loại

7,30 tỷ USD

▲ 32,25%



Chất dẻo nguyên liệu

6,07 tỷ USD

▲ 54,90%



Thép các loại

5,66 tỷ USD

▲ 40,81%



Kim loại thường khác

4,47 tỷ USD

▲ 59,89%



Sản phẩm từ chất dẻo

3,97 tỷ USD

▲ 21,98%



Hóa chất

3,81 tỷ USD

▲ 61,25%



Sản phẩm hóa chất

3,52 tỷ USD

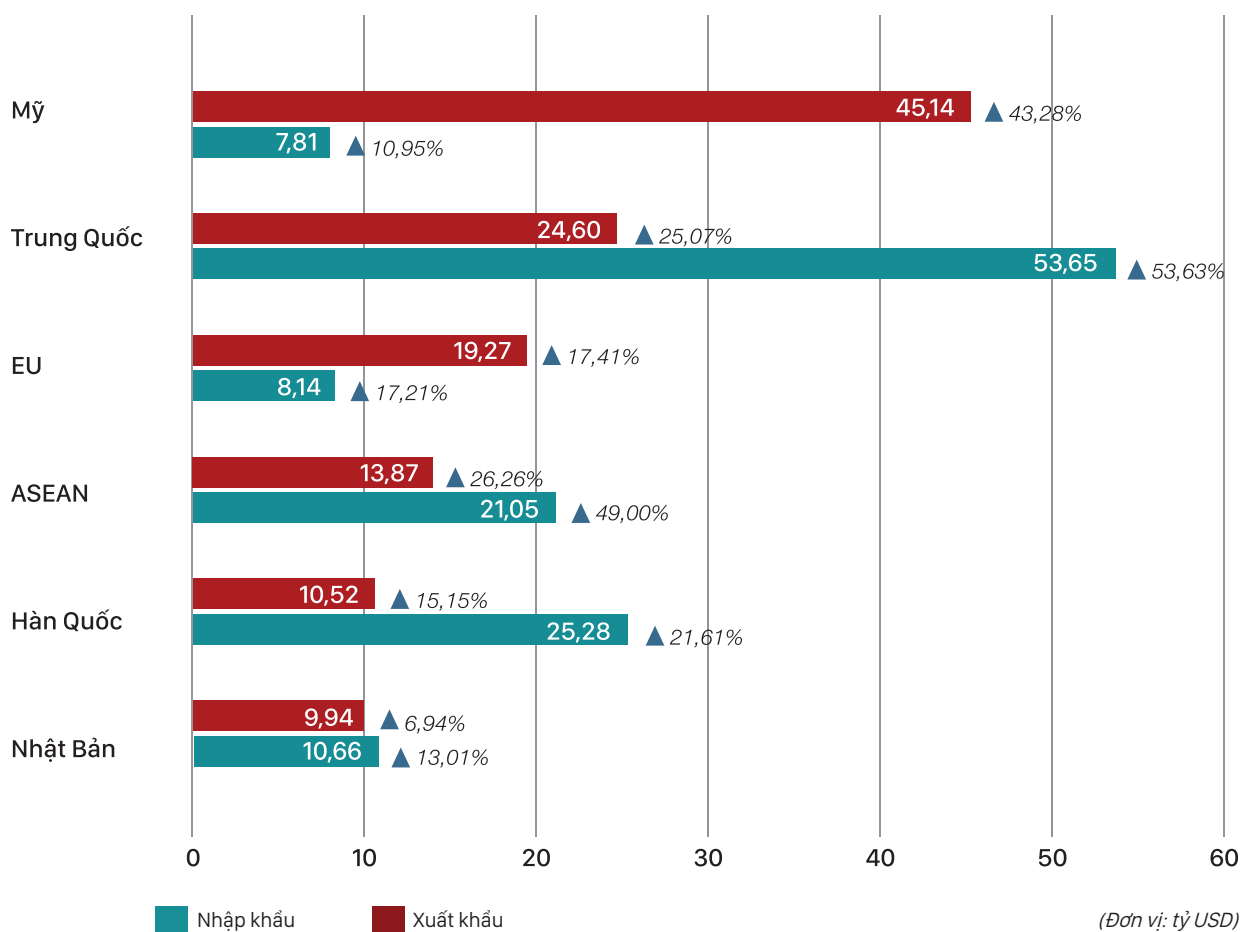
▲ 34,53%

Nhận xét:

- Sáu tháng đầu năm 2021, các mặt hàng xuất, nhập khẩu top đầu của Việt Nam đều đạt tăng trưởng dương, đây là một kết quả hết sức ấn tượng trong bối cảnh dịch bệnh. Nếu như trước đó vào cùng kỳ năm 2020, xuất nhập khẩu một số nhóm hàng như dệt may, giày dép và các nguyên phụ liệu... đều sụt giảm thì đến 6 tháng đầu năm nay đều bật tăng trở lại, vượt cao hơn mức trước dịch, thậm chí đạt mức hai con số.
- Về xuất khẩu, top 5 mặt hàng xuất khẩu đều đạt mức trên 10 tỷ USD, chiếm 58% tổng kim ngạch xuất khẩu. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam có sự tăng trưởng vượt bậc, ví dụ: sắt thép các loại tăng 118,98%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 63,43%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 61,06%...
- Đối với nhập khẩu, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác là 02 nhóm sản phẩm nhập khẩu chủ yếu, chiếm lần lượt 21% và 14,4% tổng kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2021. Các nhóm sản phẩm có tăng trưởng nhập khẩu lớn bao gồm: hóa chất (61,25%), kim loại thường khác ngoài thép (59,89%), chất dẻo nguyên liệu (54,9%)...
- Ngoài các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu và nhập khẩu khác của Việt Nam cũng có sự gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2021. Chỉ có 4 nhóm sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu sụt giảm là: cà phê (giảm 2,6%), gạo (giảm 4%), dầu thô (giảm 8%), đá quý (giảm 59,3%); và 5 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm bao gồm: nguyên phụ liệu thuốc lá (giảm 2,3%), than các loại (giảm 17,3%), dược phẩm (giảm 6,3%), nguyên phụ liệu dược phẩm (giảm 9,5%) và máy ảnh, máy quay (giảm 6,1%).



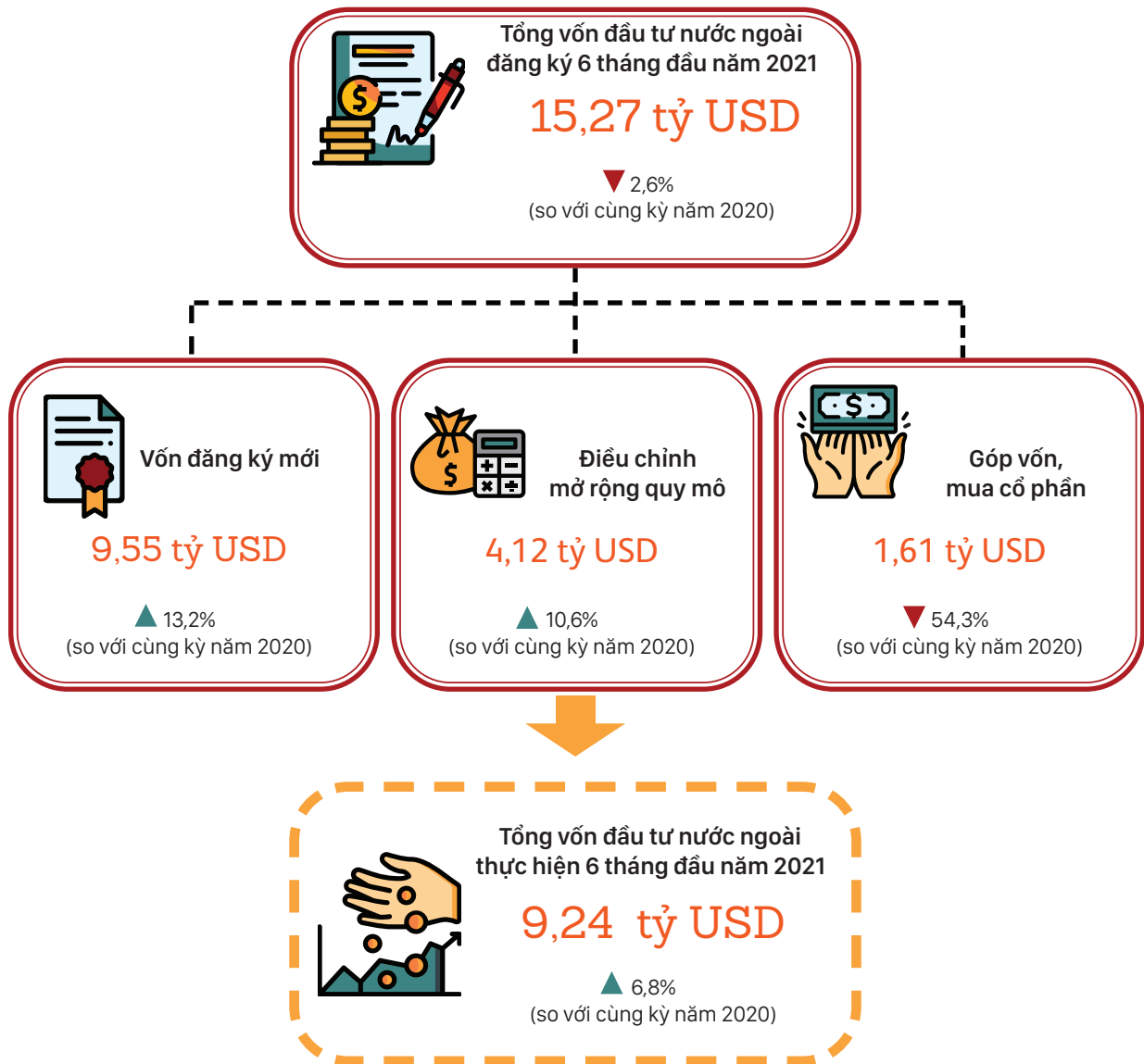
Các thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021



Nhận xét:

- Mỹ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc được biết đến là các đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua. 6 tháng đầu năm 2021, trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam với các nước, khu vực kể trên đều tăng trưởng mạnh.
- Về xuất khẩu, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm tới 28,6% tổng giá trị xuất khẩu (45,14 tỷ USD), tăng so với mức 25% cùng kỳ năm ngoái. Mỹ cũng là thị trường mà Việt Nam xuất siêu nhiều nhất với thặng dư thương mại là 37,32 tỷ USD (kim ngạch xuất khẩu cao gần gấp 6 lần kim ngạch nhập khẩu). Trung Quốc và EU lần lượt là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 và thứ 3 của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021.
- Đối với nhập khẩu, Trung Quốc vẫn duy trì vị trí thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 33,7% tổng kim ngạch nhập khẩu và tiếp tục là quốc gia mà Việt Nam nhập siêu nhiều nhất (trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam nhập siêu 29,1 tỷ USD từ Trung Quốc). Sau Trung Quốc, Hàn Quốc là nguồn nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam với 25,28 tỷ USD chiếm 15,9% nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam. Như vậy, phân nửa hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 là từ hai thị trường này.

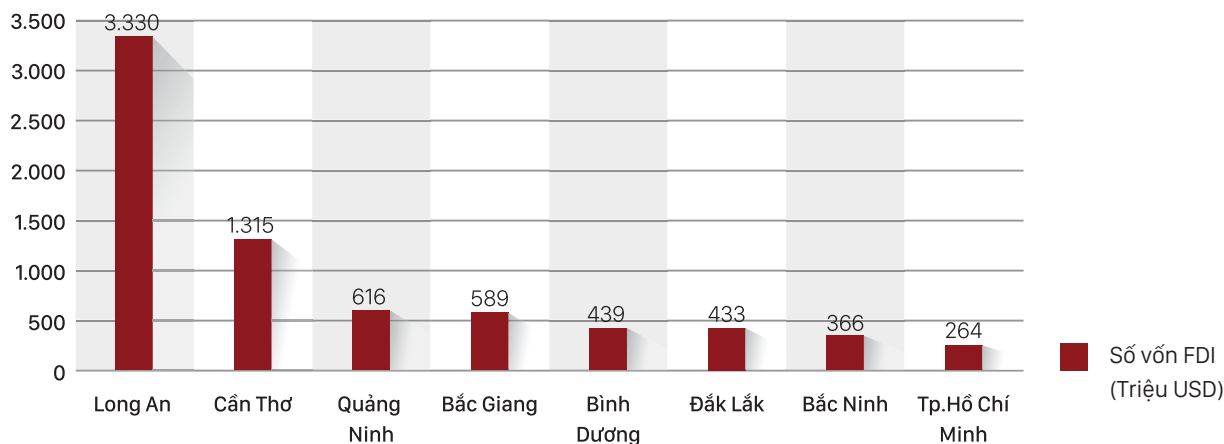
Tình hình đầu tư nước ngoài 6 tháng đầu năm 2021



Sáu tháng đầu năm 2021, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ghi nhận những con số khả quan. Trong đó:

- Tổng số vốn thực hiện trong 6 tháng đầu năm đã tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, kết quả này cho thấy dù vẫn bị ảnh hưởng bởi COVID-19 song nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục thực hiện các kế hoạch đầu tư như đã đăng ký.
- Tổng vốn đăng ký giảm nhẹ 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu do các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với phần vốn góp, mua cổ phần giảm tới 54,3%. Trong khi đó, đối với các hình thức đầu tư dài hạn – đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2021 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 13,2% đối với vốn đăng ký cấp mới và 10,6% đối với vốn điều chỉnh – kết quả này cho thấy các nỗ lực thu hút dòng vốn FDI chuyển dịch của Việt Nam đã bắt đầu phát huy hiệu quả nhất định.

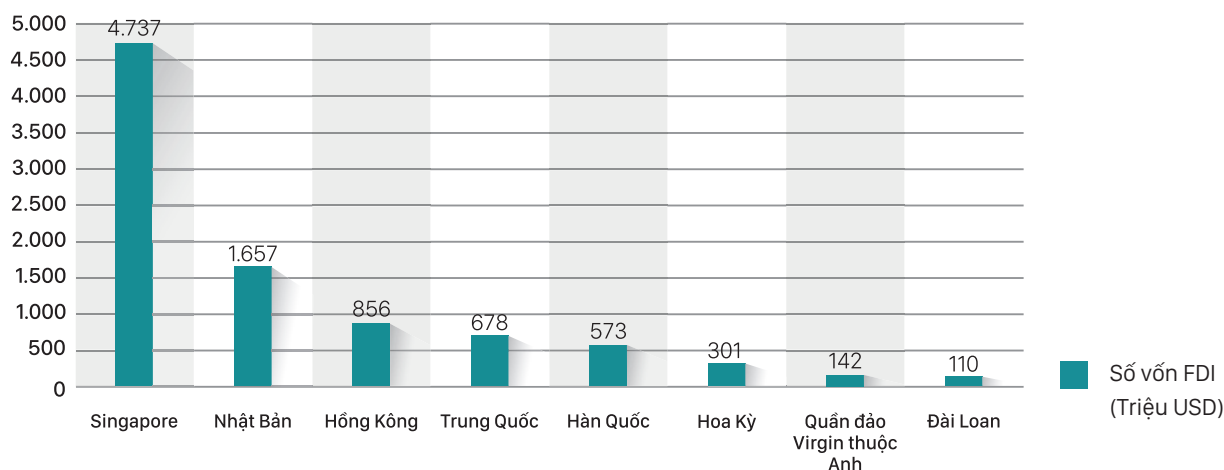
Top 8 địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất 6 tháng đầu năm 2021



Nhận xét:

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, Long An là địa phương có số vốn đăng ký cấp mới nhiều nhất với 3,3 tỷ USD chiếm 35% tổng số vốn FDI đăng ký mới của cả nước nhờ vào việc thu hút được 01 dự án lớn - Dự án Nhà máy điện LNG Long An I và II (Singapore) với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD.
- Bên cạnh đó, 2 dự án cấp mới lớn trong đầu năm nay là Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn II (Nhật Bản) và Dự án Công nghệ tế bào quang điện Jinko Solar PV Việt Nam (Hong Kông) đưa Cần Thơ và Quảng Ninh vào top đầu những địa phương thu hút FDI đăng ký mới.

Top 8 quốc gia và vùng lãnh thổ có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021



Nhận xét:

- Singapore vẫn duy trì vị trí nguồn đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam (từ 2019). Sáu tháng đầu năm 2021, Singapore đã đầu tư tổng cộng 4,7 tỷ USD vào Việt Nam, trong đó có 3,1 tỷ USD đầu tư vào Dự án Nhà máy điện LNG Long An I và II (Singapore) – dự án FDI lớn nhất đầu năm nay của Việt Nam.
- Nhật Bản là Hồng Kông (Trung Quốc) lần lượt là 2 khu vực tiếp theo có đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021, với 2 dự án mới nổi bật Dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn II (Nhật Bản - 1,31 tỷ USD) và Dự án Công nghệ tế bào quang điện Jinko Solar PV Việt Nam (Hong Kông - 498 triệu USD).

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - VƯƠNG QUỐC ANH CHÍNH THỨC CÓ HIỆU LỰC

Ngày 01/05/2021, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) đã chính thức có hiệu lực. Với nỗ lực duy trì quan hệ thương mại song phương sau khi Anh rời khỏi EU, Việt Nam và Anh đã tích cực đàm phán và ký kết Hiệp định UKVFTA vào ngày 29/12/2020. Hiệp định có hiệu lực tạm thời từ ngày 01/01/2021, ngay sau khi FTA giữa Việt Nam và EU (EVFTA) không còn áp dụng với Anh nữa, nhằm không làm ảnh hưởng tới thương mại giữa Anh và Việt Nam. UKVFTA chính thức có hiệu lực là một sự kiện quan trọng đánh dấu sự khởi đầu tốt đẹp trong quan hệ thương mại song phương Việt Nam – Vương quốc Anh sau khi nước này rời khỏi EU.



Nội dung Hiệp định

UKVFTA được đàm phán dựa trên nền tảng các cam kết trong EVFTA nên về cơ bản gần như toàn bộ các cam kết về hàng hóa, dịch vụ, mở cửa thị trường đầu tư trong EVFTA vẫn được kế thừa trong UKVFTA với một số điều chỉnh cho phù hợp với mối quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh. Hiệp định gồm 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn EVFTA; 01 thư song phương trao đổi giữa Việt Nam và Anh; 01 Nghị định thư về quy tắc xuất xứ và 02 Bản Chú giải.

Cũng giống như EVFTA, UKVFTA là một FTA thế hệ mới với tiêu chuẩn cao và mức độ tự do hóa mạnh. UKVFTA có phạm vi cam kết rộng, bao trùm các khía cạnh thương mại đầu tư truyền thống (như mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư...) và mới (như mua sắm công, doanh nghiệp nhà nước, chính sách cạnh tranh...). UKVFTA cũng bao gồm các cam kết về các khía cạnh phi thương mại nhưng có liên quan chặt chẽ tới thương mại và có ý nghĩa đặc biệt cho sự phát triển thịnh vượng và bền vững giữa hai nền kinh tế (như lao động, môi trường, trách nhiệm xã hội...).

Về thương mại hàng hóa, Anh cam kết sẽ xóa bỏ 85,6% số dòng thuế cho hàng hóa của Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực (từ 01/01/2021), xóa bỏ đến 99,2% số dòng thuế từ 01/01/2027, và 0,8% số dòng thuế còn lại sẽ được hưởng hạn ngạch thuế quan (với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%).

Với các cam kết này, nhiều sản phẩm thế mạnh của Việt Nam như thủy sản, hoa quả, cà phê, gạo, dệt may, đồ gỗ... sẽ có lợi thế khi tiếp cận thị trường Anh, đặc biệt khi dư địa của thị trường này vẫn còn rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam.

Chẳng hạn như, theo UKVFTA, các sản phẩm tôm của Việt Nam xuất khẩu sang Anh sẽ được xóa bỏ thuế quan còn 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực (mức thuế MFN hiện hành Anh đang áp dụng với các sản phẩm tôm dao động từ 12-20%). Hơn 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả của Việt Nam cũng sẽ ngay lập tức được hưởng mức thuế suất ưu đãi UKVFTA 0%, giúp cho nhiều đặc sản của Việt Nam như vải, nhãn, chôm chôm, thanh long, dưa, xoài... có thêm lợi thế tiếp cận thị trường Anh trong bối cảnh các nước đối thủ cạnh tranh như Brazil, Thái Lan, Malaysia... đều chưa có FTA với nước này. Ngoài ra, việc UKVFTA loại bỏ thuế quan ngay (42,5% số dòng thuế) hoặc theo lộ trình (2 đến 6 năm) đối với các sản phẩm dệt may của Việt Nam sang Anh cũng hứa hẹn gia tăng giá trị xuất khẩu các mặt hàng này sang một thị trường tiềm năng mà hiện mới chiếm chưa tới 3% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam...

Thực thi của Việt Nam

Ngày 18/05/2021, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định UKVFTA nhằm phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc rà soát và sửa đổi pháp luật thực thi UKVFTA, tuyên truyền, phổ biến thông tin Hiệp định, triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực để tận dụng các cơ hội từ Hiệp định... Cùng với đó, một số văn bản thực thi UKVFTA đã sớm được ban hành nhằm giúp các doanh nghiệp kịp thời tận dụng FTA này để xuất nhập khẩu hàng hóa với thị trường Anh.

Các văn bản thực thi UKVFTA ban hành trong 6 tháng đầu năm 2021

1. Công văn số 809/BKHDT-PC của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 09/02/2021 hướng dẫn áp dụng tạm thời Hiệp định UKVFTA
2. Nghị quyết 31/NQ-CP của Chính phủ ngày 12/03/2021 về việc phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
3. Quyết định 721/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/05/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định UKVFTA
4. Nghị định 53/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/05/2021 về Biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi của Việt Nam để thực hiện Hiệp định UKVFTA giai đoạn 2021-2022
5. Thông tư 02/2021/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 11/06/2021 Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Anh kể từ khi EVFTA và UKVFTA có hiệu lực

Anh là một trong những đối tác thương mại lớn nhất và quan trọng nhất của Việt Nam tại thị trường châu Âu. Trong vòng một thập kỷ qua, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Anh có sự gia tăng đáng kể, từ mức 1,68 tỷ USD năm 2010 lên 4,95 tỷ USD năm 2020 nhưng giá trị kim ngạch vẫn còn rất khiêm tốn, và nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm không quá 1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mỗi năm của Anh. Do đó, UKVFTA được kỳ vọng đem lại nhiều lợi ích cho thương mại song phương giữa hai nước, đặc biệt khi dư địa tăng trưởng cho hàng hóa Việt Nam ở thị trường Anh còn rất lớn.

Trên thực tế, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Anh đã có sự gián đoạn sau sự kiện Anh rời khỏi EU vào 31/01/2020 và dịch bệnh COVID-19 bắt đầu bùng nổ ở cả Anh và Việt Nam, khiến cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh liên tục giảm trong những tháng đầu năm 2020. Tuy nhiên xuất khẩu đã có sự cải thiện từ khi EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 (dù đã rời khỏi EU từ 31/01/2020 nhưng EVFTA vẫn được áp dụng với Anh cho tới hết giai đoạn chuyển tiếp). Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương, trong 5 tháng (tính từ 01/08/2020 đến hết năm này), kim ngạch xuất khẩu Việt Nam sang Anh đạt 2,29 tỷ USD, chỉ giảm 8% so với mức giảm 18% 7 tháng đầu năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, mặc dù EVFTA hết hiệu lực với Anh, nhưng với việc UKVFTA có hiệu lực tạm thời từ 01/01/2021 đã kịp thời thay thế Hiệp định này, giúp cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Anh gia tăng đáng kể, đạt 2,85 tỷ USD, tăng trưởng 27,28% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh đã có sự tăng trưởng trở lại, cho thấy hiệu quả tích cực từ Hiệp định UKVFTA ngay trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 đang tác động mạnh đến thương mại toàn cầu.

Tuy nhiên, để xuất khẩu sang thị trường Anh các doanh nghiệp Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít thách thức từ những yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa của người tiêu dùng, những yêu cầu khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm, về bao gói, ghi nhãn hàng hóa và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác mà UKVFTA không giải quyết được. Lấy ví dụ đối với các sản phẩm rau quả xuất khẩu vào Anh sẽ phải tuân thủ các quy định liên quan đến loại thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng và dư lượng cho phép trên sản phẩm rất thấp. Những quy định này của Anh đã khó đáp ứng lại thường xuyên thay đổi khiến doanh nghiệp phải tìm hiểu và cập nhật thường xuyên thì mới có thể thâm nhập thị trường này.

Tóm lại, UKVFTA có hiệu lực đã mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường Anh, tạo ra lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam hiện chưa có FTA với Anh (trong ASEAN ngoại trừ Việt Nam và Singapore, các quốc gia khác chưa có FTA với Anh). Do đó, các doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ nội dung cam kết của Việt Nam và Anh trong UKVFTA, cũng như các quy định và yêu cầu về xuất nhập khẩu của thị trường Anh, để có thể tận dụng tối đa các lợi ích của Hiệp định tăng cường trao đổi thương mại với một trong những nền kinh tế lớn nhất ở khu vực châu Âu này. ■

CÁC NGÀNH HÀNG TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CÁC FTA THẾ HỆ MỚI ĐỂ TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19

Sáu tháng đầu năm 2021, dịch bệnh COVID-19 vẫn tiếp tục bùng nổ tại nhiều quốc gia, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và làm đứt gãy các chuỗi cung ứng khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại tiếp tục gia tăng đặc biệt giữa một số nền kinh tế lớn, gây ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu nói chung. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, xuất khẩu Việt Nam vẫn ghi nhận sự tăng trưởng tích cực của nhiều mặt hàng ở các thị trường mục tiêu.

Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương, tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước. Nhiều ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam đạt tăng trưởng ấn tượng bất chấp tình hình dịch bệnh làm sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều thị trường xuất khẩu trọng điểm. Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) được cho là nền tảng quan trọng để Việt Nam vượt qua các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19 và giảm thiểu ảnh hưởng của các cuộc chiến thương mại trên thế giới để tiếp tục tăng trưởng xuất khẩu trong những tháng đầu năm khó khăn vừa qua.

Tính đến tháng 6/2021, Việt Nam đã ký kết tổng cộng 15 FTA với 53 đối tác thương mại ở hầu khắp các khu vực trên thế giới, trong đó có 14 FTA đã có hiệu lực. Đặc biệt trong thời gian 3 năm trở lại đây, Việt Nam đã tham gia vào nhiều FTA thế hệ mới với quy mô lớn trên thế giới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam – EU (EVFTA), FTA Việt Nam – Vương quốc Anh (UKVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... giúp mở ra cánh cửa vào các thị trường rộng lớn chưa từng có cho hàng hóa của Việt Nam, tạo cơ hội quý giá cho xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh khó khăn.

Giày dép

Sau một năm 2020 sụt giảm mạnh, trong nửa đầu năm 2021, cùng với sự mở cửa trở lại của nhiều nền kinh tế, nhu cầu tiêu dùng đối với các sản phẩm được cho là không thiết yếu như giày dép cũng bắt đầu tăng trở lại. Sáu tháng đầu năm, xuất khẩu giày dép của Việt Nam đạt kim ngạch 10,4 tỷ USD, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, nhờ tác động tích cực từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu mặt hàng này sang các thị trường EU đã tăng mạnh, tại một số thị trường EU, mức tăng trưởng lên đến 2 con số như Bỉ tăng 37,0%, Hà Lan tăng 23,4%, Italia tăng 14,3%, Tây Ban Nha tăng 39,2%...





Dệt may

Từ đầu năm đến nay, ngành dệt may cũng đạt được con số tăng trưởng ấn tượng gần 15% với kim ngạch 15,2 tỷ USD nhờ các tác động tương tự... Cùng với lợi ích về xóa bỏ thuế quan, EVFTA với quy tắc xuất xứ của các sản phẩm may mặc yêu cầu “từ vải trở đi” và CPTPP chặt hơn là “từ sợi trở đi” sẽ tiếp tục thúc đẩy đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, giúp nâng cao giá trị gia tăng cho ngành và giảm dần phụ thuộc việc nhập khẩu nguyên phụ liệu bên ngoài. Trên thực tế, rất nhiều doanh nghiệp ngành này đã và đang khởi động chu kỳ đầu tư mới với các dự án nâng cao năng lực sản xuất, hoàn thiện chuỗi cung ứng nguyên liệu...nhằm tận dụng hiệu quả ưu đãi từ FTA, phấn đấu đạt mục tiêu xuất khẩu đã đề ra.



Rau quả

Ngoài dệt may và giày dép, rau quả cũng là ngành hàng được nhắc đến nhiều với sự gia tăng đáng kể trong kim ngạch xuất khẩu. Sau khi giảm sâu 27,5% trong năm 2020, xuất khẩu rau quả 6 tháng đầu năm 2021 của Việt Nam bắt đầu phục hồi trở lại, tăng 17,7%, đạt kim ngạch 2,1 tỷ USD. Đáng chú ý, trong tháng 6 vừa qua, những lô vải thiếu đầu tiên đã được xuất khẩu sang các thị trường EU (Séc, Pháp, Bỉ) theo Hiệp định EVFTA. Việc vượt qua các yêu cầu khắt khe từ thị trường khó tính như EU cho thấy trái cây Việt có thể đảm bảo các tiêu chuẩn cao của thế giới về an toàn thực phẩm, mức tồn dư thuốc bảo vệ thực vật.... Trong thời gian tới, các ưu đãi thuế quan EVFTA sẽ tiếp tục là động lực để thúc đẩy xuất khẩu trái cây Việt sang thị trường này.

Thủy sản

Với sự phục hồi nhu cầu tại các thị trường tiềm năng, xuất khẩu thủy sản 6 tháng đầu năm 2021 ghi nhận sự khởi sắc trở lại, với kim ngạch xuất khẩu đạt 4,1 tỷ USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý trong số các thị trường đã có FTA với Việt Nam, EU là điểm đến được kỳ vọng đối với doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam với nhu cầu tiêu thụ đang phục hồi rõ rệt khi COVID-19 đang dần được khống chế tại EU. Các nhà nhập khẩu EU cũng có xu hướng quan tâm hơn đến các nhà cung cấp thủy sản Việt Nam với các lợi thế thuế quan mà EVFTA mang lại.

Nói tóm lại, xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam sang các thị trường đối tác FTA thời gian gần đây đều ghi nhận mức tăng trưởng khả quan trong nửa đầu năm, một phần nhờ việc tận dụng được những lợi thế về ưu đãi thuế quan từ các FTA. Điều này cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang ngày càng tận dụng tốt hơn các FTA và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm để có thể vượt qua được các rào cản nhập khẩu khắt khe, dù là ở thị trường nhập khẩu khó tính nhất. Tuy nhiên, để có thể tiếp tục xu hướng này, mở rộng diện hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan, doanh nghiệp sẽ phải vượt qua các thách thức về quy tắc xuất xứ FTA, các quy định nhập khẩu của nước nhập khẩu như yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, truy xuất nguồn gốc... ■



DOANH NGHIỆP PHÍA NAM NỖ LỰC VỪA PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH VỪA SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát đầu năm 2020 đến nay, Việt Nam đã trải qua 4 giai đoạn dịch với quy mô, địa bàn và tốc độ ngày càng gia tăng qua mỗi đợt. Đợt dịch thứ tư bắt đầu từ ngày 27/04/2021 được đánh giá là nghiêm trọng nhất từ trước đến nay do sự xuất hiện của nhiều biến chủng virus mới (đặc biệt là biến chủng Delta). Với hai điểm nóng ban đầu là Bắc Giang và Bắc Ninh, dịch bùng phát ở thành phố (TP) Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, khu vực tập trung nhiều doanh nghiệp nhất trên cả nước. Khác với tất cả các đợt dịch trước đó, lần này dịch lần này xâm nhập vào nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở sản xuất kinh doanh trên các địa bàn liên quan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, xuất khẩu của các doanh nghiệp.

Để đảm bảo mục tiêu vừa phòng chống dịch, vừa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 2787/QĐ-BYT ngày 05/06/2021 hướng dẫn cụ thể các phương án phòng, chống dịch khi có các trường hợp mắc COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu công nghiệp. Ngày 14/7/2021, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng ban hành Hướng dẫn về việc tổ chức thực hiện vừa cách ly, vừa sản xuất trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Hướng dẫn này nêu cụ thể các điều kiện mà doanh nghiệp, người lao động và người sử dụng lao động cần đảm bảo để vừa sản xuất, vừa chống dịch.

Tại TP Hồ Chí Minh - ổ dịch lớn nhất cả nước tới thời điểm hiện tại, khi số lượng các mắc lên tới vài nghìn mỗi ngày, từ ngày 15/7/2021 các doanh nghiệp chỉ được phép tiếp tục hoạt động sản xuất nếu đảm bảo thực hiện được một trong hai phương án: (i) phương án "3 tại chỗ": sản xuất tại chỗ, ăn tại chỗ và nghỉ ngơi tại chỗ; hoặc (ii) phương án "1 cung đường - 2 địa điểm": vận chuyển tập trung công nhân từ nơi sản xuất đến nơi ở của công nhân. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng phải thực hiện và chi trả xét nghiệm đối với công nhân định kỳ 07 ngày/lần. Ngay trong ngày đầu tiên áp dụng quy định này, đã có gần 600 doanh nghiệp trong 17 khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao đăng ký thực hiện phương châm "3 tại chỗ" cho gần 123.900 công nhân. Điều này cho thấy quyết tâm cũng như sự phối hợp của các doanh nghiệp trong mục tiêu vừa bảo đảm an toàn vừa duy trì sản xuất. Tuy nhiên, đối với nhiều doanh nghiệp khác, trong đó có cả các doanh nghiệp quy mô không nhỏ, thực hiện yêu cầu này không hề dễ dàng. Theo thông tin từ các hiệp hội doanh nghiệp dệt may, da giày túi xách, điện tử, mỹ nghệ và chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh, có tới 90% doanh nghiệp trong các ngành này phải đóng cửa vì không đáp ứng được các yêu cầu trên..





Cũng như vậy, doanh nghiệp ở nhiều tỉnh thành phía Nam khác như Bình Dương, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bến Tre, An Giang, Cà Mau... cũng đã thực hiện “3 tại chỗ” hoặc các biện pháp mạnh mẽ khác để phòng chống dịch bệnh tại cơ sở sản xuất nhằm duy trì các hoạt động sản xuất, kinh doanh....

Tuy nhiên, biến thể Delta của virus COVID-19 lần này đã gây lây lan dịch bệnh quá nhanh, khiến cho mọi lá chắn phòng dịch đều có thể bị đâm thủng. Sau một thời gian áp dụng “3 tại chỗ”, nhiều doanh nghiệp vẫn bị virus tấn công, và do lượng công nhân “3 tại chỗ” tập trung một chỗ, nên một ca covid có thể nhân lên hàng chục, hàng trăm ca rất nhanh, khiến cho nhiều doanh nghiệp không kịp trở tay. Điển hình như trường hợp của công ty Vissan, sau khi áp dụng “3 tại chỗ”, ngày 17/7 công ty phát hiện 4 ca FO, thì đến ngày 20/7 đã là 20 ca, và ngày 23/7 lên tới 43 ca, buộc công ty phải xin dừng sản xuất.

Theo một số nguồn tin, tính đến trưa 29/7, 150 doanh nghiệp ở Bình Dương, 9 khu và cụm công nghiệp ở Tiền Giang đã phải tạm dừng biện pháp “3 tại chỗ” do xuất hiện nhiều F0. Vì vậy có lẽ cần điều chỉnh các biện pháp phòng dịch như “3 tại chỗ” tại doanh nghiệp cho phù hợp hơn với tình hình mới khi mà dịch bệnh lan quá nhanh và các ca lây nhiễm tăng cao. Một số chuyên gia cho rằng biện pháp “3 tại chỗ” vẫn có thể áp dụng nhưng chỉ đối với các công ty có khuôn viên rộng, đảm bảo không tập trung tại chỗ quá nhiều công nhân, giảm lượng công nhân đi làm....

Nói chung, mọi biện pháp phòng dịch đều có thể có kẽ hở, khiến dịch bệnh xâm nhập vào các cơ sở sản xuất bất kỳ lúc nào. Vì vậy, giải pháp hiệu quả nhất hiện tại có lẽ vẫn là tăng cường tiêm phòng vắc xin cho các doanh nghiệp có nhiều ca F0 và ở các ổ dịch lớn. Bên cạnh việc tiêm vắc xin cho các công nhân nhà máy, xí nghiệp, nhiều chuyên gia cũng cho rằng nên tiêm dọc theo chuỗi sản xuất, cung ứng hàng hóa. Chẳng hạn cũng cần ưu tiên cho các đơn vị vận chuyển, phân phối, bán lẻ...

Hi vọng, với việc thực hiện mạnh mẽ và linh hoạt nhiều biện pháp phòng chống dịch nghiêm ngặt, dịch bệnh sẽ sớm qua mau, các doanh nghiệp có thể đưa sản xuất kinh doanh về quỹ đạo bình thường để tiếp tục phục hồi và tăng trưởng. ■



THỰC THI HIỆP ĐỊNH VPA-FLEGT: BẢO ĐẢM GỖ HỢP PHÁP TRONG ĐẦU THẦU MUA SẮM CÔNG CỦA VIỆT NAM

Hiệp định Đối tác Tự nguyện về Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (VPA-FLEGT) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) được ký kết vào ngày 19/10/2018 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/06/2019 với nội dung cốt lõi là “bảo đảm gỗ hợp pháp”. Mặc dù Hiệp định VPA-FLEGT chỉ được ký kết với các đối tác EU nhưng Chính phủ Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ trong việc xây dựng một hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam, áp dụng cho tất cả các thị trường bao gồm cả thị trường nội địa cũng như thị trường xuất khẩu. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam cam kết bảo đảm tất cả gỗ và các sản phẩm gỗ dù xuất khẩu đi EU hay bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào khác ngoài EU hay tiêu thụ tại thị trường nội địa đều là gỗ hợp pháp.

Trên thị trường nội địa, một phần đáng kể gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm và sử dụng bởi các chủ thể Nhà nước theo thủ tục đấu thầu. Ở vai trò này, để thực thi cam kết về gỗ hợp pháp trong VPA-FLEGT, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm rằng gỗ và các sản phẩm gỗ được mua sắm theo thủ tục đấu thầu là gỗ hợp pháp.

Tuy nhiên, theo rà soát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tiến hành đối với 100 bộ hồ sơ mời thầu mua sắm đồ gỗ nội thất do các cơ quan Nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước đã thực hiện trong giai đoạn 2016-2018 qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cho thấy: có tới 77% hồ sơ mời thầu không có yêu cầu về bất kỳ khía cạnh nào của tính hợp pháp của sản phẩm gỗ ngoài các quy định chung của pháp luật đấu thầu; 23% hồ sơ mời thầu có yêu cầu nào đó về tính hợp pháp của các sản phẩm gỗ mua sắm công, nhưng chỉ quan tâm tới một hoặc một số khía cạnh pháp luật mà không phải là tất cả các quy định pháp luật liên quan tới sản phẩm gỗ; 11% hồ sơ mời thầu yêu cầu đặt hàng gỗ tự nhiên, gỗ quý thuộc nhóm I, II có rủi ro đặc biệt cao về tính bất hợp pháp.

Điều này đặt ra yêu cầu phải có các quy định, tiêu chí cụ thể về gỗ hợp pháp trong quy trình đấu thầu mua sắm gỗ và các sản phẩm gỗ chế biến. Trong Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định này của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật về mua sắm công liên quan tới gỗ và sản phẩm gỗ cũng đã được đặt ra. Tuy nhiên, việc xây dựng văn bản hướng dẫn riêng về thủ tục đấu thầu đối với một nhóm sản phẩm cụ thể là công việc mới mẻ ở Việt Nam (cho tới nay, mới chỉ có các hướng dẫn riêng về thủ tục đấu thầu đối với các sản phẩm y tế).

Trên thế giới, chính sách và pháp luật bảo đảm gỗ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm công ở các nước khá phong phú, với các khác biệt tương đối về tiêu chuẩn, phạm vi áp dụng cũng như mức độ kiểm soát thực thi.

Để hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền trong việc rà soát, nghiên cứu, xây dựng văn bản về mua sắm công gỗ, sản phẩm gỗ chế biến nhằm bảo đảm tuân thủ VPA-FLEGT về gỗ hợp pháp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Trung tâm WTO và Hội nhập), với sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh (DFID) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends, đã triển khai nghiên cứu và xây dựng Báo cáo ***"Việt Nam thực thi Hiệp định VPA-FLEGT – Xây dựng khung khổ pháp luật về đấu thầu "Gỗ hợp pháp"***.

Từ các kết quả nghiên cứu, VCCI đã đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo và ban hành một Thông tư hướng dẫn về đấu thầu gói thầu có sản phẩm gỗ. Về nội dung, VCCI khuyến nghị Thông tư này chỉ quy định về một số vấn đề đặc thù liên quan tới gói thầu có sản phẩm gỗ thuộc diện áp dụng, toàn bộ các nội dung khác vẫn thực hiện theo pháp luật đấu thầu, bao gồm ít nhất các yêu cầu: (i) Đối với các gói thầu có sản phẩm gỗ, tiêu chí "gỗ hợp pháp" phải là điều kiện để sản phẩm gỗ là hợp lệ; (ii) Trong các gói thầu có sản phẩm gỗ liên quan, nhà thầu phải có Bản cam kết bảo đảm gỗ hợp pháp; (iii) "Gỗ hợp pháp" phải là một trong các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật đối với các gói thầu có sản phẩm gỗ và (iv) Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu, bằng chứng tối thiểu về việc bảo đảm "gỗ hợp pháp" muộn nhất là trước khi thanh lý hợp đồng.

Bên cạnh đó, VCCI cũng biên soạn và phát hành Sổ tay đấu thầu ***"Gói thầu mua sắm có sản phẩm gỗ"*** nhằm giới thiệu những yêu cầu cơ bản về gỗ hợp pháp, các vấn đề mà người đấu thầu cần quan tâm khi mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu trong các gói thầu có sản phẩm gỗ. Với nội dung ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu với các bước rõ ràng và hướng dẫn liên quan, Sổ tay này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các đơn vị mua sắm/mời thầu và các cán bộ trực tiếp tham gia đấu thầu trong công tác liên quan. ■

Báo cáo "Việt Nam thực thi Hiệp định VPA-FLEGT – Xây dựng khung khổ pháp luật về đấu thầu "Gỗ hợp pháp"" và Sổ tay đấu thầu "Gói thầu mua sắm có sản phẩm gỗ" đã được VCCI giới thiệu cho doanh nghiệp và các đơn vị liên quan tại hội thảo "Bảo đảm Gỗ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam – Thực thi Hiệp định VPA-FLEGT" ngày 31/03/2021, và Khóa đào tạo chuyên sâu "Bảo đảm Gỗ hợp pháp trong đấu thầu mua sắm công ở Việt Nam – Những vấn đề cốt lõi" cùng ngày tại Hà Nội. Các đơn vị quan tâm có thể tải về Báo cáo nghiên cứu và Sổ tay đấu thầu tại trang web của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI (Mục Ấn phẩm – Tài liệu => Các ấn phẩm khác):

Báo cáo nghiên cứu: <https://trungtamwto.vn/file/20675/bao-cao-khung-kho-pl-ve-dau-thau-go-hop-phap-o-vn--in.pdf>

Sổ tay đấu thầu: <https://trungtamwto.vn/file/20676/so-tay-dau-thau-go--dang-web.pdf>

TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU SANG CANADA NHỜ CPTPP

Sau khi Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) thì Canada là một trong những thị trường thành viên tiềm năng nhất của Việt Nam trong Hiệp định này. Bởi lẽ, Canada là một trong ba đối tác CPTPP chưa có FTA nào trước đó với Việt Nam (2 đối tác còn lại là Mexico và Peru). Thêm vào đó, Canada là một nền kinh tế lớn ở khu vực Bắc Mỹ, với GDP đứng thứ 9 thế giới, đứng thứ 2 trong khu vực CPTPP năm 2020. Một tiềm năng khác không thể bỏ qua: đây là một thị trường phát triển, có cơ cấu hàng hóa bổ sung với Việt Nam, hứa hẹn đem lại nhiều giá trị gia tăng cho xuất khẩu của chúng ta.

Trong giai đoạn trước năm 2019 (năm CPTPP có hiệu lực), xuất khẩu của Việt Nam sang Canada vẫn tăng đều, với tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2010-2018 là 18%, giúp giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này tăng từ 802 triệu USD năm 2010 lên 3,8 tỷ USD năm 2018. Tuy nhiên, với vị thế của Việt Nam là nước xuất khẩu lớn thứ 19 thế giới còn Canada là nước nhập khẩu lớn thứ 13 thế giới năm 2018, giá trị kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này năm 2018 vẫn chưa thật sự tương xứng với tiềm năng của hai bên. Với việc CPTPP có hiệu lực từ cuối năm 2018 với Canada và đầu năm 2019 với Việt Nam, quan hệ thương mại song phương đã có một bước chuyển mình mới.

Cụ thể, năm 2019 – năm đầu tiên thực hiện CPTPP, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Canada đạt gần 3,9 tỷ USD, tăng 28% so với 2018. Năm 2020, dưới ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, căng thẳng thương mại ở nhiều khu vực và làn sóng bảo hộ lên cao, xuất khẩu của Việt Nam sang Canada vẫn giữ được mức tăng trưởng 13%, lên mức kỷ lục 4,4 tỷ USD. Con số này càng ấn tượng khi đặt trong so sánh với tốc độ tăng trưởng tổng xuất khẩu của Việt Nam năm 2020 so 2019 chỉ là 6,5% và sự sụt giảm xuất khẩu của Việt Nam ở nhiều thị trường khác (xuất khẩu sang EU giảm 3,5%, sang ASEAN 8,3%, sang Nhật Bản giảm 5,5%...). Bước sang năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, xuất khẩu của Việt Nam sang Canada 6 tháng đầu năm đã quay lại đà tăng mạnh, đạt mức 2,39 tỷ USD, tăng trưởng 34,56% so với cùng kỳ năm trước.

Các kết quả này cho thấy Hiệp định CPTPP đã có tác động tích cực trong việc tăng cường tiếp cận cho các sản phẩm thế mạnh của chúng ta sang thị trường nhiều tiềm năng này.

Theo cam kết CPTPP, đến thời điểm 01/01/2021 Canada đã xóa bỏ thuế quan tới 96,3% tổng số dòng thuế cho các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Một số ít dòng còn lại (chiếm 3,7%) sẽ được xóa bỏ thuế quan muộn nhất đến năm 2029 hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan (96





dòng thuế thuộc các nhóm thịt gà, trứng và các sản phẩm từ sữa). Như vậy, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như điện thoại, dệt may, giày dép, đồ gỗ, sắt thép, nhựa, thủy sản, rau quả... hiện đã có thể tiếp cận thị trường Canada với mức thuế quan CPTPP bằng 0%.

Tuy nhiên, để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP, các doanh nghiệp của Việt Nam cần phải đáp ứng được yêu cầu về quy tắc xuất xứ của Hiệp định. Bên cạnh đó, hàng hóa cũng phải tuân thủ các quy định bắt buộc về nhập khẩu của Canada như quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật, và đáp ứng được thị hiếu, yêu cầu về chất lượng sản phẩm của người tiêu dùng Canada.

Canada là thị trường tương đối khó tính đối với hàng hóa nhập khẩu, là một trong số các nước sử dụng phổ biến nhất các biện pháp phi thuế quan (NTM) trên thế giới. Các mặt hàng chịu nhiều biện pháp NTM của Canada nhất bao gồm: hóa chất, kim loại, động vật, rau, thực phẩm, dệt may, sản phẩm nhựa, đồ da, đồ gỗ - đây cũng là các mặt hàng Việt Nam có xuất khẩu nhiều sang Canada. Thêm vào đó, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Canada có xu hướng gia tăng các yêu cầu về nhập khẩu, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hàng hóa, kiểm soát phương tiện vận tải... Những vấn đề này cũng đặt ra thách thức không nhỏ cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

Hiện tại ngoài CPTPP, Canada có 13 FTA khác đã có hiệu lực với 49 đối tác FTA tất cả, nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực châu Mỹ. Ngoài Malaysia, Brunei, Singapore, Việt Nam và Hàn Quốc, Canada chưa có FTA với đối tác châu Á nào khác. Do đó, trong ngắn hạn, hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này sẽ có lợi thế cạnh tranh so với nhiều đối thủ khác nhờ CPTPP. ■

Để giúp các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng hiệu quả hơn nữa các cơ hội tại thị trường Canada từ CPTPP, ngày 23/3/2021, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Đại sứ quán Canada tại Việt Nam, đã tổ chức Hội thảo “Quan hệ thương mại Việt Nam – Canada: Đánh giá 02 năm thực hiện CPTPP và Hướng tới tương lai bền vững hậu COVID-19”. Tại hội thảo, Sổ tay doanh nghiệp “Tận dụng CPTPP để xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Canada” do VCCI biên soạn cũng đã được giới thiệu và gửi tặng các đại biểu tham dự.

Sổ tay doanh nghiệp “Tận dụng CPTPP để xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Canada” được VCCI biên soạn với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Canada tại Việt Nam nhằm: i) tìm hiểu cụ thể các cam kết về hàng hóa của Việt Nam và Canada trong CPTPP, qua đó nhận diện các cơ hội cụ thể từ Hiệp định này; và ii) có được các thông tin cốt lõi về tình hình và các đặc điểm thị trường hai Bên, các quy định cơ bản về thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa của Canada và Việt Nam, từ đó hiện thực hóa các chiến lược kinh doanh của mình.

Doanh nghiệp có thể tải Sổ tay trên tại trang web của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link sau: : <https://trungtamwto.vn/file/20661/canada-final-in-3--chuyen-in.pdf>

(Trungtamwto.vn > Ấn phẩm – Tài liệu > FTA)

VIỆT NAM RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TẠI WTO LẦN THỨ 2

Trong khuôn khổ WTO, bên cạnh việc đàm phán và giải quyết tranh chấp, công tác rà soát chính sách thương mại định kỳ là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và được tiến hành định kỳ đối với tất cả các thành viên nhằm bảo đảm sự minh bạch và tuân thủ đầy đủ trong việc thực hiện các cam kết và nghĩa vụ trong WTO. Trước đây, chu kỳ rà soát sẽ là 2, 4 hoặc 6 năm tùy thuộc vào tỷ trọng trong thương mại thế giới của từng nước thành viên, nhưng từ 01/01/2019 trở đi, chu kỳ rà soát được kéo dài thêm một năm cho mỗi nhóm nước, và sẽ là 3, 5 hoặc 7 năm.

Việt Nam nằm trong nhóm nước có kỳ rà soát 7 năm/lần. Phiên rà soát chính sách thương mại đầu tiên của Việt Nam đã diễn ra vào năm 2013 tại Geneva, Thụy Sĩ. Phiên rà soát thứ 2 cho giai đoạn 2014-2019 đã được diễn ra trực tuyến tại Hà Nội vào ngày 27 và 29/04/2021.

Tại phiên rà soát, Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh đã có bài phát biểu về những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được kể từ Phiên rà soát lần đầu vào năm 2013, bao gồm các kết quả về xuất nhập khẩu, tăng trưởng và cải cách kinh tế, cũng như định hướng xây dựng và thực thi chính sách liên quan đến thương mại trong thời gian tới. Cụ thể, cho đến nay tổng giá trị thương mại của Việt Nam tăng 5 lần so với thời điểm Việt Nam chính thức gia nhập WTO vào năm 2007. Trong số 50 nền kinh tế có giá trị thương mại lớn nhất thế giới, Việt Nam là nước có tốc độ tăng trưởng thương mại lớn nhất, năm 2019 đã vươn lên vị trí thứ 23 từ vị trí thứ 39 năm 2009 (theo Báo cáo Rà soát Thống kê Thương mại Thế giới năm 2020 của WTO). Đại sứ Botswana (chủ trì phiên họp) và Đại sứ - Trưởng Phái đoàn Hà Lan tại WTO, cùng nhiều đại diện từ các thành viên WTO khác cũng đã phát biểu ghi nhận những thành tựu của Việt Nam trong phát triển kinh tế, hoàn thiện thể chế và chính sách về thương mại và đầu tư, cũng như tham gia tích cực vào các hoạt động của WTO.

Trước khi Phiên rà soát lần 2 diễn ra, Việt Nam đã hoàn thiện Báo cáo Quốc gia Việt Nam, xây dựng được bức tranh toàn cảnh về tình hình kinh tế, thương mại, đầu tư... của Việt Nam cho giai đoạn rà soát 2014-2019. Việt Nam cũng cung cấp dữ liệu, rà soát và góp ý cho Báo cáo của Ban thư ký WTO để phục vụ cho Phiên rà soát. Trong quá trình này, Việt Nam cũng đã nhận được 850 câu hỏi từ 31 thành viên WTO, bao gồm các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh... về nhiều lĩnh vực như thuế, dịch vụ, đầu tư, tài chính ngân hàng, TBT, SPS... Số lượng câu hỏi đồ sộ cùng với sự tham gia tích cực của các thành viên WTO tại Phiên rà soát đã cho thấy sự quan tâm rất lớn của các thành viên WTO tới các chính sách thương mại và đầu tư của Việt Nam.

Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ 3 của Việt Nam dự kiến được tổ chức vào năm 2026 – 5 năm sau Phiên rà soát lần 2 thay vì 7 năm do Việt Nam đã tiến lên vị trí của nhóm 20 nước thành viên có tỷ trọng thương mại lớn nhất trong WTO. ■





TÌNH HÌNH CÁC VỤ VIỆC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam thời gian gần đây ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ tại nhiều thị trường một phần do tận dụng được các ưu đãi thuế quan từ những Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cũng phải đối mặt với ngày càng nhiều hơn những rào cản phi thuế quan do các nước nhập khẩu dựng lên để bảo vệ các ngành sản xuất nội địa của mình. Một trong những rào cản phi thuế quan được các nước sử dụng phổ biến là các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.

Trên thực tế, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã và đang bị bủa vây bởi các biện pháp PVTM từ nhiều nước nhập khẩu khác nhau, với sự gia tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp của vụ việc. Đáng chú ý, năm 2020 Việt Nam phải đối mặt với 39 vụ kiện PVTM mới, cao gấp 2,5 lần so với năm

2019. Nguyên nhân chính được cho là dịch bệnh Covid 19 đã tác động tiêu cực tới nhiều nền kinh tế trên thế giới, khiến cho nhu cầu tiêu dùng sụt giảm gây khó khăn cho các ngành sản xuất nội địa. Trong khi đó, xuất khẩu của Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng ấn tượng 6,5%, đặc biệt ở một số thị trường trọng điểm, cạnh tranh với hàng nội địa của các nước này, khiến họ phải tìm đến các biện pháp PVTM để ngăn chặn sự gia tăng nhập khẩu từ Việt Nam.

Sáu tháng đầu năm 2021, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với 07 vụ kiện PVTM ở nhiều thị trường xuất khẩu khác nhau (Chi tiết xem Bảng 3). Đồng thời, nhiều vụ kiện được khởi xướng từ trước đã có quyết định áp thuế tạm thời hoặc cuối cùng (Chi tiết xem Bảng 2). Lũy kế đến hết Quý II/2021 đã có tổng cộng 208 vụ kiện PVTM do nước ngoài khởi xướng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Trong giai đoạn 6 tháng còn lại của năm 2021, nền kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục khó khăn do dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp ở nhiều quốc gia và khu vực, xu thế bảo hộ có thể sẽ gia tăng ở nhiều thị trường xuất khẩu. Vì vậy, các doanh nghiệp của Việt Nam phải sẵn sàng cho nguy cơ bị khởi kiện PVTM ở các thị trường xuất khẩu, cũng như các sự chuẩn bị đầy đủ về nguồn lực để có thể đối phó hiệu quả với các vụ kiện một khi gặp phải.

Ở chiều ngược lại, Việt Nam cũng đã và đang sử dụng các biện pháp PVTM như một công cụ để ngăn chặn các tác động tiêu cực của hàng hóa nhập khẩu đối với các ngành sản xuất trong nước. Trong nửa đầu năm 2021, Việt Nam đã khởi xướng 01 vụ điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm vật liệu hàn từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia; áp thuế kép chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm đường mía của Thái Lan; ra quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sản phẩm thép hình chữ H của Malaysia... (xem chi tiết tại Bảng 1). Lũy kế đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã khởi xướng 22 vụ kiện PVTM (15 vụ CBPG, 1 CTC và 6 tự vệ) đối với nhiều sản phẩm từ các quốc gia trên thế giới. ■



**TỔNG HỢP DIỄN TIẾN CÁC VỤ ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI (CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP VÀ
TỰ VỆ) LIÊN QUAN TỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU VIỆT NAM
TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Bảng 1: Diễn tiến các vụ kiện PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2021

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia / Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
1	Đường mía	AD13-AS01	Thái Lan	Ngày 15/06/2021, Quyết định 1578/QĐ-BCT áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức - Mức thuế chống bán phá giá chính thức: 42,99% - Mức thuế chống trợ cấp chính thức: 4,65%
				Ngày 09/02/2021, Quyết định 477/QĐ-BCT áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời - Mức thuế chống bán phá giá tạm thời: 29,23% - 44,23% - Mức thuế chống trợ cấp tạm thời: 4,65%
2	Thép mạ	ER01.AD02	Trung Quốc, Hàn Quốc	Ngày 04/06/2021, Quyết định số 1524/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá
3	Sản phẩm thép phủ màu	AR01.AD04	Trung Quốc, Hàn Quốc	Ngày 20/04/2021, Quyết định số 1283/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá với mức thuế CBPG: Trung Quốc (2,56%-34,27%), Hàn Quốc (4,95%-19,25%)
4	Sản phẩm nhôm	AR01.AD05	Trung Quốc	Ngày 20/04/2021, Quyết định số 1282/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá với mức thuế CBPG: 5,47%-35,58%
5	Sản phẩm thép hình chữ H	AD12	Malaysia	Ngày 02/04/2021, Quyết định số 1162/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời với mức thuế CBPG là 10,2%
6	Sản phẩm vật liệu hàn	AD15	Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia	Ngày 18/3/2021, Quyết định số 947/QĐ-BCT khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá

Bảng 2: Diễn tiến các vụ kiện PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Ấn Độ	Sợi spandex (<i>Elastomeric Filament Yarn</i>)	Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan	30/06/2021	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
2	EU	Một số sản phẩm thép (<i>Steel products</i>)	Toàn cầu	25/06/2021	Tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ sau rà soát cuối kỳ: gia hạn thêm 03 năm (từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/06/2024), áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan (thuế ngoài hạn ngạch: 25%)
				02/03/2021	Tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ

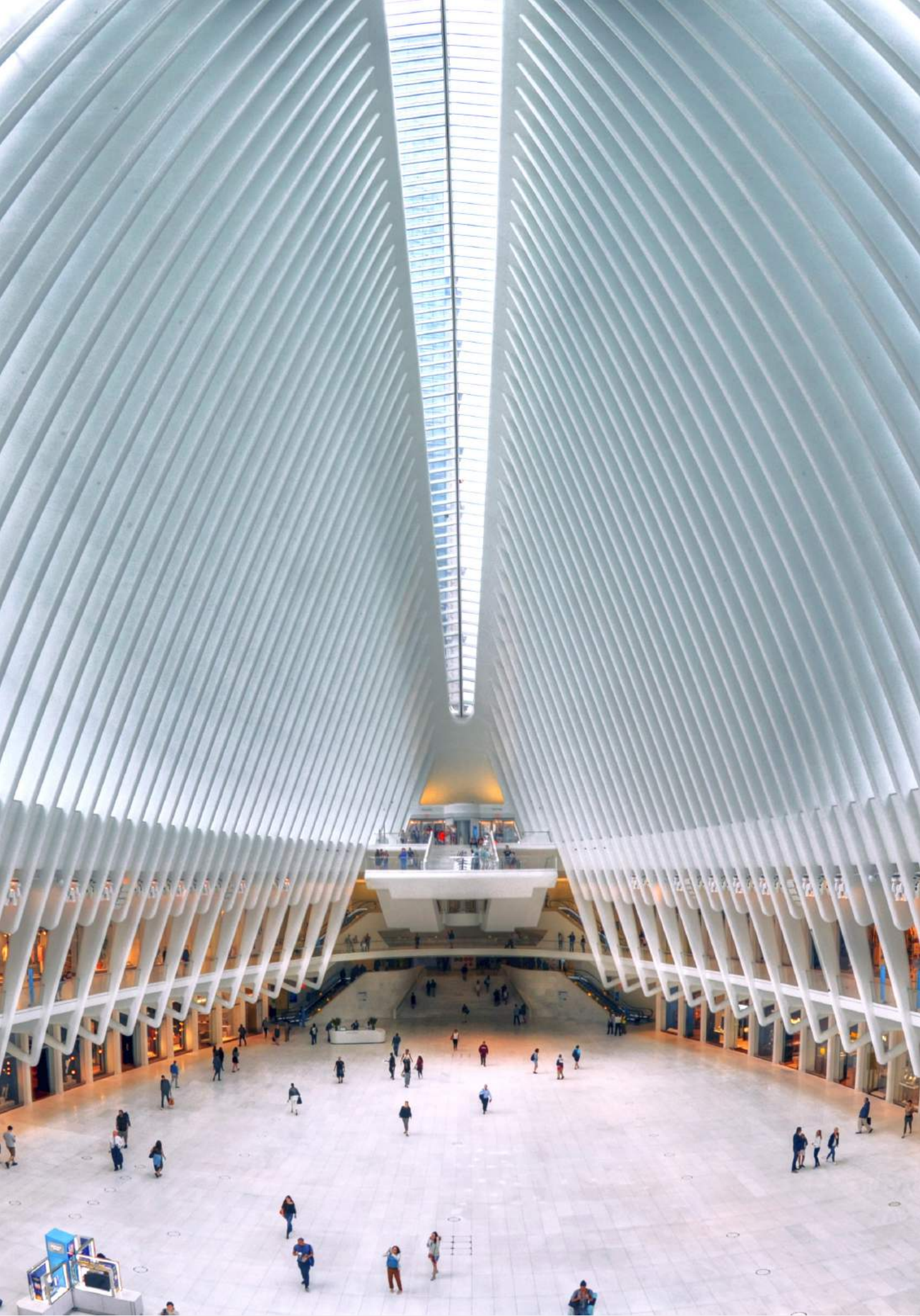
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
3	Hoa Kỳ	Túi nhựa (PE) đựng hàng hóa bán lẻ (Polyethylene Retail Carrier Bags)	Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan	25/06/2021	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ, mức thuế suất: Việt Nam: 76,11%; Indonesia: 85,17%; Malaysia 101,74%; Trung Quốc: 77,57%; Đài Loan: 95,81%; Thái Lan: 122,88%
				31/03/2021	Tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp chống bán phá giá
4	Hoa Kỳ	Ống đồng (Seamless Refined Copper Pipe and Tube)	Việt Nam	16/06/2021	DOC ban hành kết luận cuối cùng, khẳng định có hành vi bán phá giá, biên độ 8,35% Dự kiến ngày 02/08/2021 USITC sẽ ban hành kết luận cuối cùng về thiệt hại
				01/02/2021	Quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời 8,05%
5	Ấn Độ	Ván sợi MDF có độ dày từ 6mm trở lên (Plain Medium Density Fibreboard having thickness 6mm and above)	Việt Nam và Indonesia	07/06/2021	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá. Vụ việc khởi xướng điều tra năm 2015, chính thức áp thuế CBPG năm 2016
6	Canada	Thép cốt bê tông (Concrete reinforcing bar)	Việt Nam, Algérie, Hy Lạp, Indonesia, Italy, Malaysia, Singapore	04/06/2021	CITT ra kết luận cuối cùng khẳng định có thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa do hàng nhập khẩu bán phá giá. Áp thuế chống bán phá giá chính thức từ ngày 05/06/2021, mức thuế CBPG: Việt Nam: 10.5 – 23.1%; Algérie: 4.8-20.3%; Indonesia: 3.3-21.8%; Hy Lạp: 23.1%; Italy: 23.1%; Malaysia: 23.1%, Singapore: 23.1%
				05/05/2021	CBSA Kết luận điều tra cuối cùng, khẳng định có phá giá
				04/02/2021	CBSA Kết luận điều tra sơ bộ khẳng định có phá giá, áp thuế chống bán phá giá tạm thời: Việt Nam: 3,7 - 15,4%, Algérie: 4,5 - 13,7%, Hy Lạp: 22%, Indonesia: 11,3 - 28,4%, Italy: 28,4%, Malaysia: 28,4%, Singapore: 28,4%
7	Australia	Ống thép chính xác (Precision pipe and tube)	Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc	01/06/2021	Kết luận điều tra sơ bộ: Không áp thuế CBPG và CTC tạm thời đối với Việt Nam, Đài Loan do không có hành vi phá giá và nhận trợ cấp; Áp thuế CBPG và CTC tạm thời đối với Hàn Quốc: 6.2%, Trung Quốc: 9-51.6%
8	Hoa Kỳ	Sợi dún Polyester (PTY) (Polyester textured yarn)	Việt Nam, Malaysia, Indonesia, Thái Lan	26/05/2021	DOC ban hành kết luận điều tra sơ bộ khẳng định có hành vi bán phá giá, biên độ phá giá: Việt Nam: 2,67%-22,82%, Indonesia: 7,45%-26,07%, Thái Lan: 4,8-56,8%, Malaysia: 17,35%

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
9	Hoa Kỳ	Lốp xe ô tô (<i>Passenger Vehicle and Light Truck Tires</i>)	Việt Nam, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan	24/05/2021	DOC ban hành kết luận điều tra cuối cùng khẳng định có phá giá và trợ cấp - Biên độ phá giá: Việt Nam: 0%-22,3%; Hàn Quốc: 14.72-27.05%; Đài Loan: 20.04-101.84%; Thái Lan: 14.62-21.09% - Biên độ trợ cấp: Việt Nam: 6,23%-7,89% Dự kiến, USITC sẽ ban hành kết luận cuối cùng về thiệt hại ngày 05/07/2021
10	Ấn Độ	Ván sợi MDF có độ dày từ 6mm trở lên (<i>Plain Medium Density Fibreboard having thickness 6mm and above</i>)	Công ty CP Kim Tín MDF, Việt Nam	07/05/2021	Chấm dứt điều tra chống bán phá giá do biên độ phá giá dưới mức tối thiểu (de-minimis)
11	Thổ Nhĩ Kỳ	Vải bạt nhựa (<i>Tarpaulin, made of polyethylene or polypropylene</i>)	Việt Nam, Trung Quốc	06/05/2021	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ, mức thuế suất: Việt Nam: 1.16 USD/kg; Trung Quốc: 1.06 USD/kg
12	Canada	Ghế bọc đệm (<i>Upholstered domestic seating</i>)	Việt Nam, Trung Quốc	05/05/2021	Kết luận điều tra sơ bộ khẳng định có phá giá và trợ cấp, áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp tạm thời - Biên độ phá giá: Việt Nam: 17,44%-89,77%, Trung Quốc: 11,01%-206,36% - Biên độ trợ cấp: Việt Nam: 0%-11,73%, Trung Quốc: 0%-89,54%
13	Ấn Độ	Ván sợi bằng gỗ (<i>Fiberboards</i>)	Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Sri Lanka	03/05/2021	Kết luận điều tra cuối cùng khẳng định có trợ cấp. Thuế chống trợ cấp để xuất: Việt Nam: 12.36-19.13%; Indonesia: 13.69-15.78%; Malaysia: 10.52-18.08%; Thái Lan: 8.26-27.52%; Sri Lanka: 12.37%
14	Malaysia	Thép không gỉ cán nguội (<i>Cold rolled stainless steel</i>)	Việt Nam và Indonesia	23/04/2021	Kết luận điều tra cuối cùng, quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức: Việt Nam: 7,81%-23,84%, Indonesia: 0%-34,82%
15	Australia	Dây đai thép phủ màu (<i>Painted steel strapping</i>)	Việt Nam, Trung Quốc	23/04/2021	Kết luận điều tra sơ bộ: Không áp thuế CBPG và CTC tạm thời đối với Việt Nam, biên độ không đáng kể Áp thuế CBPG và CTC tạm thời với Trung Quốc (54.1%)
16	Malaysia	Sản phẩm PET (<i>Polyethylene terephthalate</i>)	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia và Hàn Quốc	22/04/2021	Chấm dứt điều tra chống bán phá giá do không có bằng chứng thiệt hại đáng kể
17	Ấn Độ	Ván gỗ MDF có độ dày dưới 6mm (<i>Plain Medium Density Fibre Board having thickness less than 6 mm</i>)	Việt Nam, Malaysia, Thái Lan, Indonesia	20/04/2021	Kết luận điều tra CBPG cuối cùng, mức thuế suất khuyến nghị: Việt Nam: 255.35 USD/CBM; Malaysia: 258.42 USD/CBM; Thái Lan: 258.42 USD/CBM; Indonesia: 227.47-258.42 USD/CBM;

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
18	Malaysia	Thép cuộn cán nguội hợp kim và không hợp kim (Cold rolled coils of alloy or non-alloy steelabove)	Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc	12/04/2021	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
19	Đài Loan	Gạch ốp lát (Ceramic floor and wall tiles)	Việt Nam, Ấn Độ, Malaysia và Indonesia	09/04/2021	Kết luận sơ bộ, quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời với mức thuế: Việt Nam (0%-28,64%)
20	Ấn Độ	Xơ sợi staple nhân tạo (viscose spun yarn)	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia	06/04/2021	Không áp thuế chống bán phá giá chính thức theo Quyết định 354/154/2020-TRU của Bộ Tài chính Ấn Độ
21	Indonesia	Ống thép hàn không gỉ (Welded Stainless Steel Pipes and Tubes)	Việt Nam, Trung Quốc		Chấm dứt vụ việc, không áp thuế CBPG chính thức sau xem xét lợi ích công cộng
				11/02/2021	Kết luận điều tra cuối cùng, thuế CBPG để xuất: Việt Nam (3,01% - 49,2%), Trung Quốc (3,07% - 55,43%)
22	Ấn Độ	Ống thép hàn không gỉ (Welded Stainless Steel Pipes and Tubes)	Việt Nam, Trung Quốc	11/02/2021	Tiến hành rà soát giữa kỳ biện pháp chống trợ cấp (rà soát phạm vi sản phẩm)
23	Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi dún Polyester (Textured polyester yarns)	Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia	03/02/2021	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ, mức thuế suất Việt Nam: 34.81%-72.56%; Thái Lan: 6.88%-37.69%; Trung Quốc: 268-351 USD/tấn; Malaysia: 276 USD/tấn; Indonesia: 48-240 USD/tấn.
24	Malaysia	Tôn phủ màu (Prepainted, painted or colour coated steel coils)	Việt Nam, Trung Quốc	22/01/2021	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá
25	Malaysia	Gạch ốp lát (Ceramic floor and wall tiles)	Toàn cầu	20/01/2021	Chấm dứt điều tra tự vệ do không có sự gia tăng ồ ạt hàng nhập khẩu và mối quan hệ nhân quả giữa gia tăng nhập khẩu và thiệt hại.

Bảng 3: Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2021

STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi kéo dân toàn phần (<i>Polyester fully draw yarn</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam và Hàn Quốc	02/06/2021
2	Ukraine	Gạch men (<i>Ceramic tiles</i>)	Tự vệ toàn cầu	Toàn cầu	01/06/2021
3	Ấn Độ	Pin năng lượng mặt trời (<i>Solar cell products</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan	15/05/2021
4	Hoa Kỳ	Mật ong (<i>Raw honey</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Argentina, Brazil, Ấn Độ, Ukraina	11/05/2021
5	Philippines	Xi măng (<i>Cement</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam	20/04/2021
6	Australia	Ống đồng (<i>Copper tube</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam	22/03/2021
7	Pakistan	Thép cán nguội (<i>Cold rolled Coils/Sheets</i>)	Chống bán phá giá	EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam	25/02/2021



DIỄN TIẾN CÁC ĐIỂM NÓNG CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI



Mỹ - Trung

Cuộc chiến chưa có hồi kết

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung từ thời cựu Tổng thống Donald Trump đến thời Chính quyền mới của ông Joe Biden đến nay đã kéo dài hơn 3 năm nhưng vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Kể từ khi nhậm chức, ông Joe Biden đã khẳng định sẽ không thay đổi cách tiếp cận cứng rắn trong quan hệ thương mại với Trung Quốc của người tiền nhiệm. Cụ thể, Mỹ vẫn giữ nguyên các gói thuế đánh vào hàng hóa Trung Quốc từ năm 2018 đến nay nhưng sẽ tiến hành đánh giá cách thức thực hiện và tham vấn kỹ lưỡng với các đồng minh.

Theo thông tin từ Bộ trưởng thương mại Mỹ - bà Katherine Tai hồi đầu tháng 05/2021 thì Mỹ đang tiến hành xem xét các chính sách thương mại với Trung Quốc từ trước đến nay và sẽ cùng Trung Quốc đánh giá kết quả thực hiện thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 giữa hai nước. Theo dự kiến, thỏa thuận này sẽ hết hạn vào cuối năm 2021 và Trung Quốc sẽ phải tăng nhập khẩu hàng hóa của Mỹ thêm 200 tỷ so với năm 2017. Tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc từ Mỹ được ghi nhận là còn rất thấp so với cam kết do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Không những không cải thiện quan hệ thương mại với Trung Quốc, chính quyền của tổng thống mới Joe Biden còn có thêm một số động thái cứng rắn được cho là nhắm vào nước này, làm căng thẳng thêm quan hệ thương mại song phương. Cụ thể, ngay sau khi nhậm chức một thời gian ngắn, ngày 25/2/2021, ông Joe Biden đã ký sắc lệnh hành pháp yêu cầu Chính phủ liên bang rà soát chuỗi cung ứng của 4 sản phẩm then chốt bao gồm: chất bán dẫn, pin xe điện, kim loại đất hiếm và các sản phẩm y tế. Sắc lệnh cũng chỉ đạo thẩm tra 6 lĩnh vực, tập trung vào mảng quốc phòng, y tế công cộng, công nghệ viễn thông, giao thông, năng lượng và sản xuất thực phẩm. Mục đích của sắc lệnh này là để xác định xem các công ty của Mỹ có đang phụ thuộc quá nhiều vào các nguồn cung từ nước ngoài hay không. Mặc dù không trực tiếp nhắm vào Trung Quốc nhưng đây là các

sản phẩm mà Trung Quốc đang xuất khẩu nhiều sang Mỹ, do đó giới quan sát nhận định sắc lệnh này là một bước đi cứng rắn nữa của chính quyền Mỹ nhằm giảm sự phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng từ Trung Quốc và tăng cường sự tự chủ từ những nguồn cung trong nước.

Sau khi quá trình rà soát trên hoàn thành, ngày 08/06/2021, các quan chức Mỹ cũng cho biết nước này sẽ lập "lực lượng tác chiến thương mại chuỗi cung ứng" do Đại diện Thương mại Mỹ - bà Katherine Tai dẫn đầu với nhiệm vụ xác định những hành vi thương mại không công bằng ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng của Mỹ, và đưa ra các đề xuất hành động thương mại tương ứng. Hành động này cũng được xem là để đối phó với Trung Quốc do Mỹ nhiều lần lên án nước này về các chính sách mà Mỹ cho rằng đã làm tổn thương đến các chuỗi cung của Mỹ.

Không dừng tại đó, ngày 03/06/2021, tổng thống Joe Biden lại ký một sắc lệnh mở rộng danh sách các công ty Trung Quốc bị trừng phạt tài chính lên con số 59, bổ sung thêm một số tên tuổi mới và sửa đổi tiêu chí liên quan so với lệnh trừng phạt được ban hành dưới thời cựu tổng thống Donald Trump. Theo sắc lệnh này, các nhà đầu tư Mỹ bị cấm đầu tư vào các công ty bị trừng phạt kể từ ngày 02/08/2021, còn đối với các nhà đầu tư Mỹ đã có đầu tư ở các công ty này thì sẽ có thời hạn 1 năm để thoái vốn hoàn toàn. Các công ty nằm trong danh sách đen của Mỹ chủ yếu thuộc các lĩnh vực công nghệ, giám sát và quốc phòng, bị cáo buộc có liên quan đến quân đội và bộ máy an ninh của Trung Quốc, đe dọa đến an ninh cũng như các giá trị dân chủ của Mỹ và đồng minh. Sắc lệnh này được ban hành một lần nữa cho thấy thái độ cứng rắn của Mỹ trước Trung Quốc không hề bị thay đổi kể cả khi chính quyền của tổng thống mới lên nắm quyền.

Về phía Trung Quốc, nước này đã phản ứng quyết liệt đối với Sắc lệnh trừng phạt nhằm thẳng vào 59 công ty của Trung Quốc, cho rằng Mỹ lạm dụng quyền lực quốc gia và sử dụng mọi phương thức có thể để trấn áp và hạn chế các doanh nghiệp Trung Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc cũng cáo buộc các hành động liên quan của Mỹ là vi các quy tắc thị trường, không chỉ gây tổn hại đến các công ty Trung Quốc mà còn ảnh hưởng tới lợi ích của các nhà đầu tư quốc tế, trong đó có cả các nhà đầu tư của Mỹ. Để đáp trả lại sức ép của Mỹ, ngày 10/06/2021, Trung Quốc cũng thông qua luật chống trừng phạt của nước ngoài. Theo đó, Trung Quốc có quyền trả đũa, thực hiện các biện pháp trừng phạt bao gồm không cấp thị thực, từ chối nhập cảnh, trục xuất, niêm phong, thu giữ và đóng băng tài sản của các cá nhân hoặc doanh nghiệp tuân thủ các lệnh trừng phạt của nước ngoài đối với các doanh nghiệp hoặc quan chức Trung Quốc.

Có thể nói, quan hệ giữa hai nền kinh tế hàng đầu thế giới vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện dưới thời của tổng thống Mỹ mới Joe Biden, thậm chí một số nhà quan sát còn dự báo chiến tranh thương mại Mỹ - Trung trong thời gian tới có thể còn khốc liệt hơn so với thời ông Donald Trump. ■



Trung – Australia

Rạn nứt ngày càng lớn

Căng thẳng trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và Australia bị đẩy lên cao trào trong năm 2020 sau sự việc Australia kêu gọi điều tra quốc tế về nguồn gốc của dịch bệnh COVID-19 từ Trung Quốc, và Trung Quốc trả đũa bằng việc áp đặt một số biện pháp phòng vệ thương mại/cấm nhập khẩu đối với một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Australia sang nước này. Bước sang năm 2021, mâu thuẫn thương mại giữa hai bên vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khi Trung Quốc thông báo chính thức áp thuế chống bán phá giá (dao động từ 116,2% đến 218,4%) đối với rượu vang của Australia từ ngày 28/03/2021 và sẽ có hiệu lực trong vòng 5 năm. Biện pháp chống bán phá giá này sẽ gần như triệt tiêu đường xuất khẩu rượu vang của Australia sang Trung Quốc bởi ngay sau khi các mức thuế chống bán phá giá tạm thời được Trung Quốc áp dụng vào cuối năm 2020, xuất khẩu rượu vang của Australia sang nước này đã giảm xuống gần như bằng 0.

Trước hành động này từ phía Trung Quốc, Australia cũng đã có động thái đáp trả cứng rắn khi quyết định đệ đơn khởi kiện Trung Quốc lên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 19/06/2021, cáo buộc Trung Quốc vi phạm các nguyên tắc của tổ chức này khi tiến hành điều tra và áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm rượu vang từ Australia. Trước đó, vào tháng 12/2020, Australia cũng đã kiện Trung Quốc lên WTO liên quan đến các mức thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp mà nước này áp

dụng đối với lúa mạch nhập khẩu từ Australia. Vụ kiện này đã trải qua quá trình tham vấn giữa hai bên nhưng không thành công. Ngày 15/03/2021, Australia đã yêu cầu WTO thành lập Ban Hội thẩm giải quyết vụ kiện này.

Không chỉ dừng lại ở hai vụ kiện ở WTO, trong nửa đầu năm 2021, Australia đã tiến hành các hành động khác nhằm trả đũa Trung Quốc, làm cho quan hệ giữa hai nước tuột dốc nghiêm trọng. Cụ thể, ngày 21/04/2021, Australia tuyên bố sẽ hủy bỏ thỏa thuận giữa bang Victoria và Trung Quốc liên quan đến sáng kiến “Vành đai và Con đường” – chiến lược quốc gia hàng đầu của Trung Quốc trong liên kết cơ sở hạ tầng, thương mại, đầu tư với các nước châu Á, châu Âu và châu Phi, cũng như mở rộng tầm ảnh hưởng chính trị của nước này – vì cho rằng không phù hợp chính sách đối ngoại của Australia. Không những vậy, Australia cũng đang xem xét hủy Hợp đồng cho thuê cảng Darwin trong 99 năm với một công ty của Trung Quốc vì lo ngại về vấn đề an ninh quốc gia.

Các động thái trên đã “chọc tức” Trung Quốc, khiến nước này đáp trả ngay sau đó vào ngày 06/05/2021 bằng việc tuyên bố đình chỉ “vô thời hạn” tất cả các hoạt động trong khuôn khổ Đối thoại Kinh tế chiến lược giữa nước này với Australia. Chưa dừng tại đó, ngày 24/06, Trung Quốc cũng kiện Australia ra WTO vì các mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp mà nước này áp dụng đối với các sản phẩm thép gió, bánh xe lửa và bốn rửa bằng thép không gỉ của Trung Quốc từ hai năm trước. Australia bày tỏ ngạc nhiên trước việc Trung Quốc lục lại một vụ việc từ cách đây 2 năm và cho biết không nhận được bất cứ thông báo nào từ Trung Quốc trước khi nước này gửi đơn khiếu nại lên WTO.

Chưa rõ hai nước sẽ còn tiếp tục các đòn trừng phạt vào nhau cho đến bao giờ nhưng quan hệ thương mại đang ngày càng xấu đi gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới các doanh nghiệp của cả hai bên. ■





Mỹ - Canada

Tranh chấp thương mại đầu tiên trong khuôn khổ USMCA

Sóng gió trong mối quan hệ giữa Mỹ và Canada được kỳ vọng sẽ trở nên bình ổn hơn sau nhiệm kỳ của tổng thống cũ Donald Trump. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa hai bên dường như cũng không mấy tốt đẹp kể từ khi tổng thống mới Joe Biden lên nhậm chức. Phía Canada tỏ ra bức xúc trước một số biện pháp gần đây của ông Joe Biden nhắm vào nước này như thu hồi giấy phép đường ống dẫn dầu Keystone XL do Canada hậu thuẫn, hay ban hành sắc lệnh củng cố chính sách "Buy America" (Mua hàng Mỹ) khiến các doanh nghiệp Canada đang tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng xuyên biên giới với Mỹ có thể bị ảnh hưởng...

Mới đây, Mỹ cũng khởi động tranh chấp thương mại đầu tiên trong khuôn khổ Hiệp định thương mại Mỹ - Mexico - Canada (USMCA) với Canada liên quan đến ngành công nghiệp sữa của nước này vào ngày 25/05/2021. Mỹ cáo buộc Canada đã phá vỡ thỏa thuận mở cửa một phần thị trường sữa vốn được bảo hộ chặt chẽ của nước này cho hàng nhập khẩu từ Mỹ theo Hiệp định USMCA (có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2020). Cụ thể, theo thỏa thuận này, Canada sẽ tăng khả năng tiếp cận thị trường nước này cho các sản phẩm từ sữa của Mỹ thông qua hình thức hạn ngạch thuế quan (lượng sản phẩm nhập khẩu trong hạn ngạch sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan USMCA). Tuy nhiên, Mỹ cho rằng Canada đã phân bổ các mức hạn ngạch này không hợp lý, dành một phần hạn ngạch cho các nhà chế biến của Canada, làm ảnh hưởng tới quyền lợi theo USMCA của các nhà sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm này của Mỹ.

Về phía Canada, nước này đã bày tỏ thất vọng khi Mỹ đề nghị thành lập ủy ban giải quyết tranh chấp theo USMCA. Canada khẳng định các chính sách của nước này hoàn toàn tuân thủ các nghĩa vụ về hạn ngạch thuế quan theo USMCA và sẽ bảo vệ mạnh mẽ quan điểm này trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Một hội đồng giải quyết tranh chấp sẽ được thành lập trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Mỹ theo quy định về giải quyết tranh chấp của USMCA. Hội đồng này sẽ làm việc để đưa ra quyết định sơ bộ sau khoảng 120 ngày, và quyết định cuối cùng 30 ngày sau đó. ■

EU – Trung Quốc

Quan hệ EU – Trung Quốc bất ngờ sóng gió

Trung Quốc từng coi Liên minh châu Âu (EU) là đối tác “thân tình” khi các nhà lãnh đạo nơi đây cố gắng không bị cuốn vào cuộc thương chiến giữa Mỹ và Trung Quốc. Quan hệ song phương càng được củng cố hơn khi hai bên chính thức ký kết Thỏa thuận Đầu tư Toàn diện (CAI) ngày 30/12/2020 sau hơn 7 năm đàm phán.

Tuy nhiên, quan hệ giữa Trung Quốc và EU bắt đầu bị sút mẻ khi EU, vào ngày 22/03/2021, áp đặt lệnh trừng phạt lên 4 quan chức và 1 thực thể Trung Quốc vì cho rằng có các hành vi ngược đãi, vi phạm nghiêm trọng quyền con người ở Tân Cương. Đây là biện pháp trừng phạt đầu tiên được EU áp lên Bắc Kinh kể từ lệnh cấm vận vũ khí năm 1989.

Đáp trả động thái của EU, cùng ngày phía Trung Quốc cũng đã công bố quyết định trừng phạt 10 cá nhân (bao gồm 5 Nghị viên châu Âu) và 4 thực thể EU (trong đó có Tiểu ban nhân quyền của Nghị viện châu Âu) với cáo buộc có hành vi làm tổn hại nghiêm trọng đến chủ quyền và lợi ích của Trung Quốc.

Cuộc đối đầu về vấn đề nhân quyền đã ảnh hưởng đến việc phê chuẩn Hiệp định CAI giữa hai nước sau bao nỗ lực đàm phán và ký kết. Ngày 20/05/2021, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu, thông qua nghị quyết hoãn thông qua Hiệp định CAI với 599 phiếu ủng hộ, 30 phiếu chống và 58 phiếu trắng. Theo nghị quyết mới được thông qua, EU yêu cầu Trung Quốc gỡ bỏ lệnh trừng phạt đối với các cá nhân, thực thể châu Âu trước khi Nghị viện nước này có thể xem xét Hiệp định CAI.

Ngay sau khi Nghị viện châu Âu từ chối xem xét Hiệp định CAI, phía Trung Quốc đã lên tiếng chỉ trích EU, đồng thời các quan chức ngoại giao nước này kêu gọi EU “từ bỏ cách tiếp cận đối đầu” và đưa quan hệ EU-Trung Quốc “trở lại đúng hướng của đối thoại và hợp tác”.

Như vậy, từ một mâu thuẫn phi thương mại (vấn đề nhân quyền), quan hệ thương mại và đầu tư giữa Trung Quốc và EU đã bị ảnh hưởng khi Hiệp định đầu tư song phương bị đóng băng vô thời hạn, làm giảm cơ hội của các doanh nghiệp và nhà đầu tư của cả hai bên. ■



Mỹ - EU

Hàn gắn quan hệ đối tác

Hạ nhiệt tranh chấp thương mại giữa Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) trở thành điểm sáng trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa một số quốc gia vẫn tiếp tục gia tăng. Trước đó, dưới thời tổng thống Donald Trump, quan hệ giữa Mỹ và EU trở nên xấu đi với các đòn trừng phạt thương mại liên tiếp giữa hai bên, trong đó nổi bật là việc Mỹ áp thuế bổ sung đối với 6,4 tỷ Euro đối với các sản phẩm sắt và nhôm nhập khẩu từ EU, và EU trả đũa bằng quyết định tăng thuế đối với 2,8 tỷ Euro đối với các sản phẩm rượu, quần Jean, nước cam và xe máy của Mỹ.

Tuy nhiên xung đột thương mại giữa hai bên đã có những dấu hiệu hạ nhiệt kể từ sau khi tổng thống mới của Mỹ Joe Biden lên nhậm chức. Trước tiên phải kể đến việc EU và Mỹ nhất trí tiến hành các cuộc đàm phán nhằm giải quyết những tranh chấp thương mại vốn kéo dài giữa hai nước, chấm dứt các biện pháp trả đũa liên quan đến chính sách thuế nhập khẩu nhôm và thép vào ngày 17/05/2021. Cả EU và Mỹ đều nhận thức được việc thừa nguồn cung nhôm, thép trên toàn cầu từ các tranh chấp liên quan đang gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đến ngành công nghiệp này của cả hai bên. Đồng thời, hai đối tác cũng thừa nhận sự cần thiết phải có các giải pháp hiệu quả nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp quan trọng của mình, theo đó nhất trí vạch rõ lộ trình nhằm chấm dứt các tranh chấp thương mại.

Bên cạnh đó, Mỹ và EU cũng đang nỗ lực giải quyết tranh chấp kéo dài 17 năm về vấn đề trợ cấp cho hai hãng sản xuất máy bay lớn là Boeing của Mỹ và Airbus của EU. Cụ thể, tháng 03/2021 hai bên đã nhất trí tạm ngừng áp thuế trả đũa lẫn nhau trong vòng 4 tháng liên quan đến vấn đề trợ cấp này. Theo đó, việc đình chỉ sẽ kéo dài đến ngày 10/07 và nếu hai bên không đưa ra được giải pháp nào thuế quan được áp dụng lại vào ngày 11/07. Theo diễn tiến mới nhất, ngày 15/06/2021, Mỹ và EU đã đạt được thỏa thuận mang tính lịch sử khi đồng ý tiếp tục kéo dài thời hạn đình chỉ áp thuế trả đũa lẫn nhau thêm 5 năm nữa.

Như vậy, với việc cùng ngồi vào bàn đàm phán và đạt được những thỏa thuận tích cực, Mỹ và EU đã cho thấy những tín hiệu lạc quan để nối lại quan hệ thương mại tốt đẹp Xuyên Đại Tây Dương. ■





SINGAPORE, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN, VÀ THÁI LAN PHÊ CHUẨN RCEP

Ngày 15/11/2020, Hiệp định thương mại tự do có quy mô lớn nhất thế giới – Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) chính thức được ký kết giữa 10 nước ASEAN với 5 đối tác là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và New Zealand. Theo quy định, Hiệp định sẽ có hiệu lực khi được thông qua bởi ít nhất 6 nước thành viên ASEAN và 3 nước thành viên không thuộc ASEAN. Các nước thành viên RCEP đặt ra mục tiêu phê chuẩn Hiệp định để RCEP sẽ chính thức có hiệu lực từ 01/01/2022.

Trong nửa đầu năm 2021, đã có 4 quốc gia RCEP phê chuẩn hiệp định này, gồm Thái Lan, Trung Quốc, Singapore và Nhật Bản. Ngày 09/02/2021, Quốc hội Thái Lan đã phê chuẩn Hiệp định RCEP, tiếp đến là Trung Quốc phê chuẩn RCEP vào ngày 08/03/2021. Singapore là nước thành viên RCEP đầu tiên hoàn thành thủ tục phê chuẩn RCEP sau khi Quốc hội nước này thông qua và nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn cho Tổng Thư ký ASEAN ngày 09/04/2021. Nhật Bản cũng đã thông qua Hiệp định ngày 28/04/2021. Các nước thành viên còn lại trong khối cũng đang thúc đẩy các thủ tục phê chuẩn RCEP để thỏa thuận này đạt đủ điều kiện có Hiệu lực theo đúng thời hạn mục tiêu đã đặt ra.

Là một FTA thế hệ mới với các cam kết bao trùm nhiều nội dung như cắt giảm thuế quan, quy tắc xuất xứ, đơn giản hóa thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại, mở cửa dịch vụ, bảo hộ đầu tư, hợp tác kinh tế – kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, giải quyết tranh chấp... RCEP hứa hẹn sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu, mang lại các cơ hội thương mại và đầu tư cho các nước thành viên trong khối khi Hiệp định này đi vào thực thi. ■



ANH CHÍNH THỨC NỘP ĐƠN GIA NHẬP HIỆP ĐỊNH CPTPP

Ngày 01/02/2021 – đúng kỷ niệm 1 năm chính thức rời Liên minh châu Âu (EU), Anh chính thức nộp đơn đề nghị gia nhập Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) nhằm mở ra con đường mới cho thương mại của nước này hậu Brexit. Trước khi công khai ý định gia nhập CPTPP, Anh cũng đã đẩy mạnh việc ký kết Hiệp định thương mại tự do với nhiều nước khác trong đó có cả Việt Nam. Điều này minh chứng cho việc Anh đang nỗ lực tìm kiếm và xây dựng những quan hệ đối tác mới sau khi rời EU.

Nếu đàm phán thành công, Anh sẽ được tự do tiếp cận một trong những khối thị trường lớn nhất, năng động nhất toàn cầu. CPTPP là một FTA thế hệ mới với các tiêu chuẩn và mức độ tự do cao. Tham gia CPTPP, hàng hóa của Anh sẽ được tự do lưu chuyển với 11 nước CPTPP còn lại với các quy tắc xuất xứ nội khối giúp tăng cường liên kết doanh nghiệp của Anh với các chuỗi ứng trong khu vực CPTPP.

Để xem xét yêu cầu gia nhập CPTPP của Anh, ngày 02/06/2021, phiên họp Hội đồng CPTPP lần thứ 4 đã được tổ chức trực tuyến. Tại phiên họp, các Bộ trưởng đã thông qua Quyết định của Hội đồng CPTPP về việc khởi động quá trình đàm phán để gia nhập CPTPP của Anh và ra Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng 11 nước thành viên CPTPP về vấn đề này. Đối với các nước thành viên CPTPP, việc Anh gia nhập Hiệp định này sẽ tạo ra cơ hội thúc đẩy các quy tắc tiêu chuẩn cao của Hiệp định, duy trì vị thế đi đầu của CPTPP trong các mối liên kết khu vực và toàn cầu trong thời gian tới. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và đại dịch COVID-19 toàn cầu còn đang diễn biến phức tạp, sự tham gia của Anh vào CPTPP hứa hẹn sẽ đem lại tác động

tích cực giúp khôi phục và phát triển hoạt động thương mại tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương và trên thế giới.

Về phía Anh, cùng ngày 02/06, Bộ trưởng Thương mại Quốc tế nước này – bà Liz Truss cho biết nước Anh sẽ công bố chi tiết kế hoạch tham gia CPTPP trong những tuần tới và sẽ trình kế hoạch tham gia CPTPP lên Nghị Viện Anh trước khi bắt đầu các cuộc đàm phán.

Theo dự kiến, các nước thành viên CPTPP và Vương quốc Anh sẽ thành lập các nhóm công tác để thảo luận về vấn đề thuế quan cũng như các quy tắc thương mại và đầu tư trong một vài tháng tới. Trong quá trình đàm phán, Anh cần chứng minh rằng có thể tuân thủ các quy định của CPTPP, đồng thời phải đàm phán về thuế quan với từng nước trong số 11 thành viên. Ngày 21/06/2021, Ngoại trưởng Anh – ông Dominic Raab đã khởi động chuyến công du Đông Nam Á của mình với điểm dừng chân đầu tiên là Việt Nam và bắt đầu cuộc đàm phán CPTPP tại đây. Tiến trình đàm phán gia nhập CPTPP của Anh dự kiến có thể hoàn tất sớm nhất vào cuối năm 2021. ■

Ngoài việc chính thức nộp đơn gia nhập CPTPP, nỗ lực xây dựng quan hệ đối tác mới của Anh sau khi rời khỏi EU được thể hiện rõ nét thông qua việc đẩy mạnh đàm phán và ký kết các FTA mới nhằm thay thế các FTA trong khuôn khổ EU trước đây. Tính đến tháng 06/2021, Anh đã ký kết tổng cộng gần 20 FTA mới với các nước và khu vực trên thế giới. Đáng chú ý, từ khi kết thúc giai đoạn chuyển tiếp (các FTA của EU không còn có hiệu lực với Anh từ ngày 01/01/2021) đã có đến 37 FTA của Anh chính thức hoặc tạm thời có hiệu lực, trong đó 30 FTA có hiệu lực ngay từ ngày 01/01/2021. Tính riêng khu vực Đông Nam Á, Việt Nam và Singapore là hai nước đầu tiên Anh đàm phán và ký kết FTA. Hiện FTA của Anh với hai nước này đều đã có hiệu lực.

Bên cạnh việc đưa vào thực thi các FTA đã ký kết, trong nửa đầu năm 2021, Anh cũng ký thêm 03 FTA mới, bao gồm: Hiệp định đối tác và Hợp tác thương mại với Serbia ký ngày 30/4/2021, Hiệp định đối tác thương mại với Ghana và Hiệp định thương mại tự do với Albania ký ngày 5/2/2021. Các Hiệp định này đều bao gồm các cam kết về cắt giảm thuế quan cho phần lớn các hàng hóa của Anh và đối tác nhằm duy trì và thúc đẩy quan hệ thương mại song phương sau khi Anh rời khỏi EU.





GIÁ CƯỚC VẬN TẢI BIỂN TĂNG CAO KỶ LỤC

Trong nửa đầu năm 2021, trái với nhiều dự báo trước đó, thị trường vận tải biển quốc tế tiếp tục căng thẳng hơn, do COVID-19 diễn biến phức tạp ở châu Á, và liên tiếp xuất hiện nhiều cú sốc lớn, khiến cước vận tải hàng hóa gia tăng liên tục, không thể kiểm soát.

Cụ thể, những tháng đầu năm 2021, tình trạng gia tăng cước vận tải biển đã xuất hiện từ 2020 vẫn diễn biến phức tạp, gây sóng gió với các chủ hàng. Tháng 3/2021, tàu Ever Given – một trong những con tàu container lớn nhất thế giới đã bị mắc kẹt ở kênh đào Suez, chặn ngang tuyến đường vận chuyển quốc tế huyết mạch trong gần một tuần. Sự cố này đã gây ra một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng cho hoạt động vận tải biển toàn cầu và làm thiệt hại lên tới hàng tỷ USD cho thương mại thế giới. Mới đây, ngành vận tải biển quốc tế lại bị ảnh hưởng khi tình hình dịch bệnh gia tăng ở miền Nam Trung Quốc, gây gián đoạn hoạt động của nhiều cảng biển ở khu vực này và ảnh hưởng chung đến hoạt động vận tải biển thế giới.

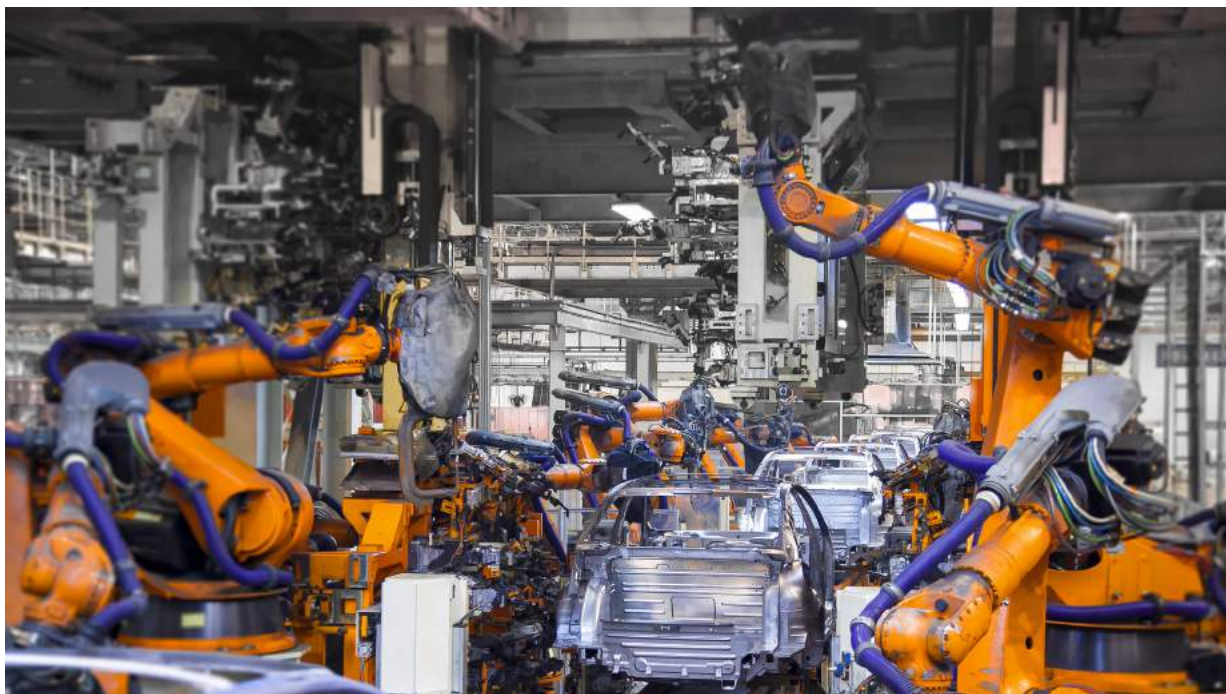
Theo Chỉ số giá cước vận tải container của 8 tuyến đường chính trên toàn cầu (Drewry World Container Index - WCI), chi phí vận chuyển hàng container bằng đường biển đã tăng liên tục, lần lượt xô đổ các kỷ lục về giá cước trước đó. Cụ thể, ngày 27/05/2021, chỉ số WCI đạt mức 6.257 USD, cao hơn 293% so với cùng thời điểm năm trước. Đến ngày 01/07/2021, WCI đã lên đến mức 8.399 USD (tăng 346% so với cùng thời điểm năm trước)

và mới đây nhất ngày 15/07/2021, giá cước vận tải container đã chạm mức kỷ lục 8.883 USD, tăng 1% trong tuần và cao hơn 339% so với cùng thời điểm năm trước.

Cước phí vận tải biển thế giới tăng cao cũng đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhiều doanh nghiệp của Việt Nam. Cụ thể, giá cước trung bình cho 1 container 20 feet hoặc 40 feet từ Việt Nam đi châu Âu hoặc Mỹ đều tăng 5 đến 7 lần từ năm ngoái đến năm nay. Ngoài tăng giá cước, nhiều hãng tàu còn tự đưa thêm các loại phụ phí khác như phụ phí 30-50 USD cho việc khai báo trọng tải hàng hóa (trong khi nhiều doanh nghiệp phản ánh các hãng tàu không mất chi phí gì cho dịch vụ này). Hơn thế nữa, ngay cả khi chấp nhận cước phí cao, nhiều doanh nghiệp vẫn không thể thuê được container để vận chuyển hàng hóa hoặc đã thuê rồi nhưng lại bị hủy do tình trạng thiếu container và hãng tàu sẵn sàng chuyển cho bên khác trả giá cao hơn.

Theo nhiều dự báo, cước phí vận tải thế giới có thể đạt đỉnh vào Quý IV/2021 do nhu cầu vẫn cao và nhiều yếu tố bất lợi đặc biệt là diễn tiến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 vẫn chưa được giải quyết. Tuy nhiên, sang năm 2022, cước phí có thể sẽ hạ nhiệt khi dịch bệnh dần được kiểm soát nhờ vắc xin, nhiều doanh nghiệp vận tải hoạt động trở lại và hoạt động vận tải được điều chỉnh hiệu quả hơn. ■





ISRAEL VÀ HÀN QUỐC CHÍNH THỨC KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO SONG PHƯƠNG

Ngày 12/05/2021, Israel và Hàn Quốc đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) song phương sau 5 năm đàm phán. Với Hiệp định này, Hàn Quốc trở thành quốc gia đầu tiên ở Châu Á ký kết FTA với Israel, và ngược lại, Israel cũng là nước đầu tiên ở khu vực Trung Đông ký kết FTA với Hàn Quốc. Trong thời gian tới, Hiệp định này được kỳ vọng không chỉ thúc đẩy thương mại và đầu tư song phương mà còn khuyến khích việc đổi mới công nghệ và hợp tác trong các ngành công nghệ cao giữa Israel và Hàn Quốc.

FTA Israel – Hàn Quốc là một hiệp định thương mại toàn diện, bao gồm các cam kết liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử, di chuyển thể nhân, sở hữu trí tuệ, hợp tác kỹ thuật...

Theo Hiệp định này, Israel và Hàn Quốc dành cho nhau cam kết cắt giảm thuế quan ở mức độ cao. Cụ thể, Israel cam kết sẽ xóa bỏ 95,1% số dòng thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu từ Hàn Quốc. Trong đó, thuế quan sẽ được xóa bỏ ngay lập tức đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Hàn Quốc sang Israel bao gồm: ô tô và phụ tùng, dệt may, mỹ phẩm với mức thuế hiện hành tương ứng là 7%, 6-12%, 6% và 12%. Các mặt hàng xuất khẩu khác của Hàn Quốc cũng được Israel cắt giảm thuế theo lộ trình bao gồm: tủ lạnh, thiết bị y tế, linh kiện điện tử, đồ chơi và trò chơi điện tử (game), sản phẩm chất dẻo và hóa chất.

Về phía Hàn Quốc, nước này cam kết xóa bỏ 95,2% các sản phẩm nhập khẩu của đối tác. Hàn Quốc sẽ dỡ bỏ thuế quan ngay khi hiệp định có hiệu lực đối với thiết bị sản xuất chip bán dẫn và muộn nhất là sau ba năm đối với mặt hàng thiết bị ứng dụng điện tử của Israel. Các sản phẩm thiết bị y tế của Israel đang bị Hàn Quốc áp thuế ở mức 8% sẽ được xóa bỏ theo lộ trình 10 năm, phân bốn tổng hợp với mức thuế hiện hành 6,5% sẽ được xóa bỏ thuế quan trong vòng 5 năm theo FTA này. Các mặt hàng xuất khẩu khác của Israel cũng sẽ được Hàn Quốc cắt giảm thuế quan theo lộ trình bao gồm máy móc và thiết bị điện, thiết bị cơ khí, mỹ phẩm, sản phẩm nhựa/chất dẻo, kim loại, nước trái cây và rượu vang. Hàn Quốc vẫn sẽ duy trì mức thuế hiện hành đối với các sản phẩm nông nghiệp như gạo, một số loại rau như tỏi, hành, nấm, cà rốt hay thịt đã qua chế biến và các sản phẩm sữa, riêng thuế đối với bưởi nhập khẩu từ Israel hiện đang chịu mức thuế 30% sẽ được loại bỏ trong vòng 7 năm.

FTA Hàn Quốc – Israel không chỉ tập trung vào việc cắt giảm thuế quan mà còn có nhiều điều khoản nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo lập khuôn khổ vững chắc để xây dựng nền tảng phát triển kinh tế thông qua đẩy mạnh hợp tác trong những ngành công nghệ tiên tiến. Chính vì vậy, Hiệp định cũng được kỳ vọng đem lại hiệu ứng tổng hợp cho cả hai bên khi tận dụng được các công nghệ nguồn của Israel và thế mạnh sản xuất công nghiệp của Hàn Quốc.

FTA này là một trong những nỗ lực của cả Hàn Quốc và Israel trong việc mở rộng mạng lưới FTA của mình. Hiện tại, Hàn Quốc đã có 17 FTA đã có hiệu lực với nhiều đối tác và khu vực (trong đó có Mỹ, EU, ASEAN, Việt Nam), 03 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực và một số FTA đang trong quá trình đàm phán. Israel cũng đã có 07 FTA đã có hiệu lực với Mỹ, EU, Canada, EFTA... Ngoài ra, Israel cũng đang trong quá trình đàm phán nhiều FTA với các đối tác khác trong đó có Việt Nam. ■



CHUYÊN ĐỀ

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
SAU HAI NĂM THỰC THI

HIỆP ĐỊNH

CPTPP



Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới có quy mô lớn nhất mà Việt Nam từng tham gia. Với các cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực và mức độ tự do hóa mạnh hơn phần lớn các FTA đã có của Việt Nam, CPTPP được kỳ vọng sẽ đem đến các tác động tích cực về kinh tế cũng như thể chế của Việt Nam. Hiệp định chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019, tính đến nay đã được hơn 02 năm.

Trong 02 năm đầu thực thi Hiệp định CPTPP, nhiều cam kết đã được triển khai trên thực tế, những thành quả đầu tiên cũng đã được phản ánh rõ ràng thông qua các số liệu thống kê vĩ mô về thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với các nước đối tác CPTPP và các dữ liệu về công tác cải cách thể chế thực thi cam kết CPTPP ở Việt Nam. Tuy nhiên, ở cấp độ vi mô, có rất ít thông tin thực tiễn về tác động của CPTPP từ góc độ các doanh nghiệp cụ thể, trong khi đây là thước đo chính xác nhất về hiệu quả của việc thực thi các FTA nói chung và CPTPP nói riêng.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), với sự hỗ trợ của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform), đã thực hiện **Báo cáo "Việt Nam sau 02 năm thực thi CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp"** nhằm tìm hiểu tình hình thực thi CPTPP trong 02 năm đầu hiệu lực từ góc nhìn/đánh giá của chính các doanh nghiệp Việt Nam. Báo cáo được công bố tháng 4/2021 tại Hà Nội.

Chuyên đề của Bản tin Quý này sẽ giới thiệu tóm tắt các kết quả nghiên cứu của Báo cáo trên nhằm cung cấp cho bạn đọc một bức tranh toàn cảnh về 02 năm thực hiện CPTPP từ góc độ doanh nghiệp, và những khuyến nghị liên quan nhằm giúp các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng hiệu quả hơn Hiệp định quan trọng này trong thời gian tới.

Các thông tin thực tiễn về tình hình thực thi CPTPP trong 02 năm đầu Hiệp định này có hiệu lực từ góc độ của các doanh nghiệp trong **Báo cáo "Việt Nam sau 02 năm thực thi CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp"** được thu thập trên cơ sở Khảo sát doanh nghiệp thực hiện trong khoảng tháng 8-10/2020. Khảo sát đã nhận được phản hồi từ hơn 300 doanh nghiệp đại diện, phân bố tương ứng với tỷ lệ doanh nghiệp ở các vùng kinh tế trên cả nước. Có 61,7% các doanh nghiệp tham gia Khảo sát là doanh nghiệp 100% vốn tư nhân trong nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp dân doanh); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài, sau đây gọi tắt là doanh nghiệp FDI) chiếm gần 30% số phản hồi; còn lại là các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước (3,6%, sau đây gọi tắt là DNNN) và các trường hợp khác. Lĩnh vực kinh doanh phổ biến của các doanh nghiệp này là công nghiệp chế biến, chế tạo; tiếp theo là các hoạt động thương mại mua bán hàng hóa thuần túy, cung cấp các dịch vụ; và chiếm ít nhất là các hoạt động nông lâm thủy sản.

Dưới đây là các phát hiện chính từ Khảo sát này, cùng với các phân tích nguyên nhân và nhận định về các thông điệp đằng sau các phát hiện này.

1

MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT CỦA
DOANH NGHIỆP VỀ

CPTPP

Hiểu biết về các cam kết FTA thường là xuất phát điểm và là điều kiện cần để các chủ thể kinh doanh có thể tận dụng được các cơ hội từ FTA, đặc biệt là các ưu đãi thuế quan. Với một FTA lớn và phức tạp như CPTPP, vấn đề hiểu biết của doanh nghiệp về Hiệp định càng quan trọng.

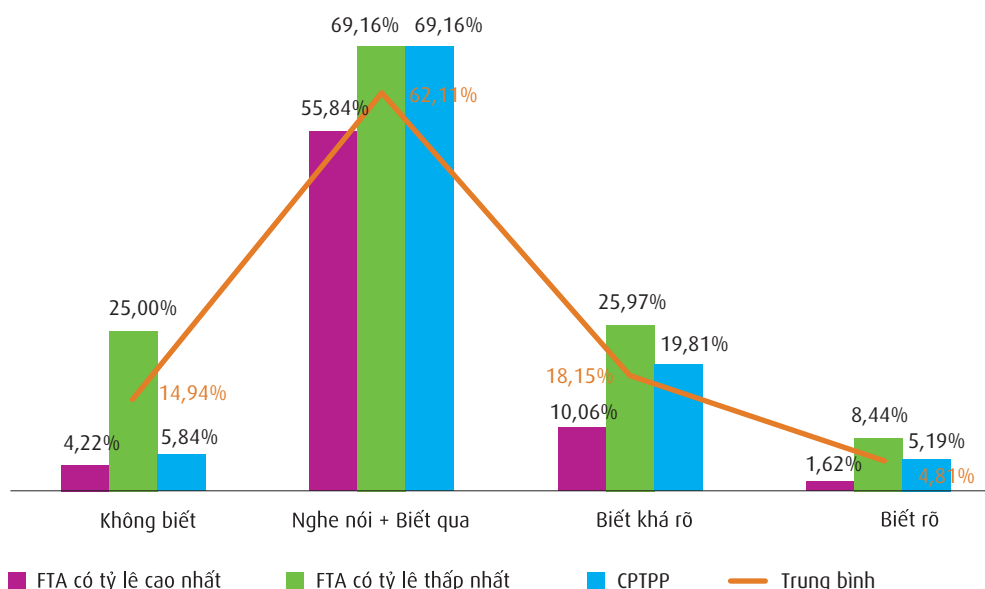
Kết quả Khảo sát cho thấy, 69% doanh nghiệp nghe nói hoặc biết sơ bộ về Hiệp định này, cao hơn tất cả các FTA khác, 25% doanh nghiệp có hiểu biết nhất định về Hiệp định. Tuy nhiên, cứ 20 doanh nghiệp mới có 1 doanh nghiệp biết rõ về các cam kết CPTPP liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình. Trong so sánh với các FTA khác của Việt Nam, tỷ lệ biết về cam kết CPTPP ở mức tương đối hoặc biết rõ (25%) chỉ cao hơn mức trung bình (23%) và kém khá xa so với FTA tốp đầu (các FTA ASEAN, 31%).

Trong so sánh giữa các nhóm doanh nghiệp, kết quả Khảo sát cho thấy mức độ hiểu biết về CPTPP giữa các nhóm doanh nghiệp mặc dù không hoàn toàn đồng đều nhưng cũng không cách nhau quá xa. Cụ thể, các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài có tỷ lệ biết về CPTPP cao nhất (29,7%), tiếp đến là các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước (27,3%). Các doanh nghiệp dân doanh thuộc nhóm ít biết về CPTPP nhất cũng đạt được mức 22,6%.

Kết quả này cho thấy các nỗ lực tuyên truyền phổ biến chung về CPTPP các FTA đã có hiệu quả ban đầu tích cực nhưng mới trên bề mặt là chủ yếu. Với một FTA khó và phức tạp như CPTPP, cần thiết phải có những biện pháp thông tin chuyên sâu, chi tiết và hữu ích hơn cho doanh nghiệp trong thời gian tới. ■

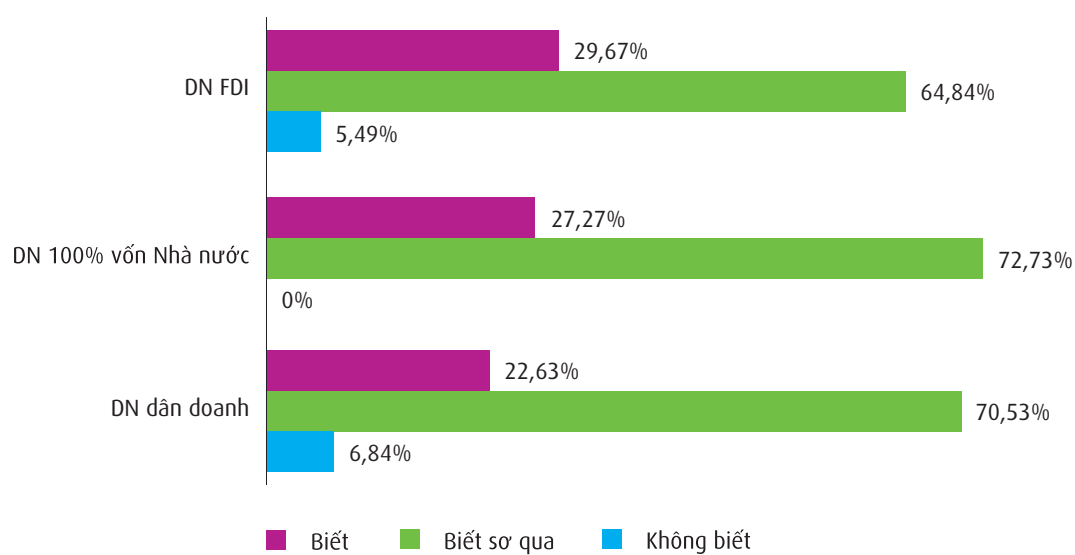


Hình 1 - Hiểu biết của doanh nghiệp về CPTPP và các FTA





Hình 2 - Hiểu biết về CPTPP theo nhóm doanh nghiệp



2

ĐÁNH GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP
VỀ VIỆC THỰC THI

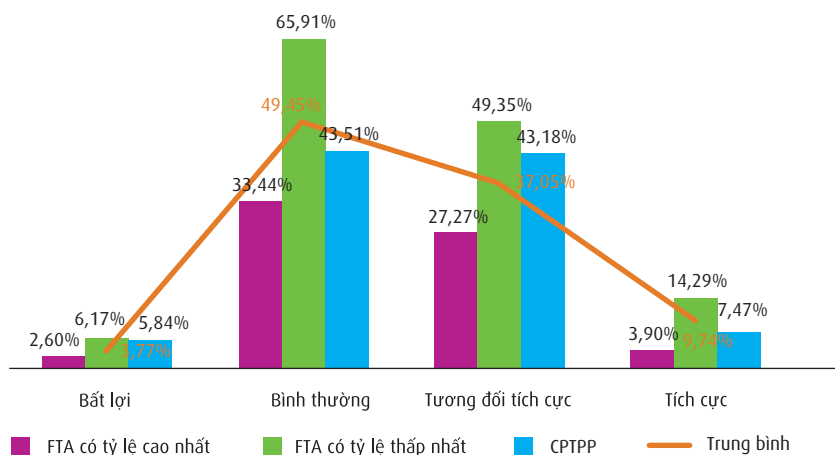
CPTPP

Về tác động tổng thể, đa số các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá khá tích cực về tác động của CPTPP tới hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể, CPTPP nằm trong топ 3 FTA được doanh nghiệp đánh giá cao nhất, với 51% doanh nghiệp cho rằng Hiệp định có tác động tương đối hoặc rất tích cực với hoạt động kinh doanh của mình thời gian qua (chỉ thấp hơn các FTA với Nhật Bản, gần như tương đương với các FTA với Hàn Quốc).

Kết quả này cho thấy, CPTPP đang rất được doanh nghiệp Việt Nam chào đón và đánh giá tương đối cao. Với một Hiệp định mới chỉ có hiệu lực hơn một năm rưỡi, lộ trình thuế quan hầu như chưa có lợi thế so với các FTA đã có, đây được xem là kết quả lạc quan một cách bất ngờ.

Mặc dù vậy, nếu nhìn sâu hơn, các doanh nghiệp có thể không chỉ đánh giá cao CPTPP từ các tác động cụ thể trực tiếp mà còn xem nó như một biểu tượng cho thấy Chính phủ Việt Nam nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế theo chiều sâu, với các tiêu chuẩn cao, chấp nhận sức ép để cải cách chính mình. Dường như doanh nghiệp cũng cảm nhận được những quyết tâm mà Chính phủ thực hiện không chỉ để thực thi CPTPP mà còn kết hợp thúc đẩy thực thi hiệu quả các FTA đã có. Chưa bao giờ các FTA lại tập trung được sự chú ý và quyết tâm hành động như trong vài năm trở lại đây, đặc biệt là trong thời gian thực thi CPTPP. Điều này đã tạo ra những tác động cộng hưởng với hiệu quả được doanh nghiệp ghi nhận.

Hình 3 - Đánh giá tác động của CPTPP và các FTA



Một thực tế bất ngờ khác nhưng không mấy lạc quan cũng được hé lộ từ đánh giá của doanh nghiệp về tác động chung của CPTPP. Trong khi các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp dân doanh có cảm nhận rõ nét về tác động của CPTPP (với 51-52% doanh nghiệp của các nhóm này cho rằng CPTPP có tác động tích cực và lần lượt 6,8% và 2,2% đánh giá CPTPP có tác động tiêu cực) thì khối doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước phần lớn đứng ngoài những tác động này (với 64% doanh nghiệp nhóm này cho rằng CPTPP không tác động gì – với các FTA khác cũng như vậy). Dường như quá trình hội nhập theo chiều sâu thông qua CPTPP và các FTA chưa “chạm tới” khu vực doanh nghiệp này.



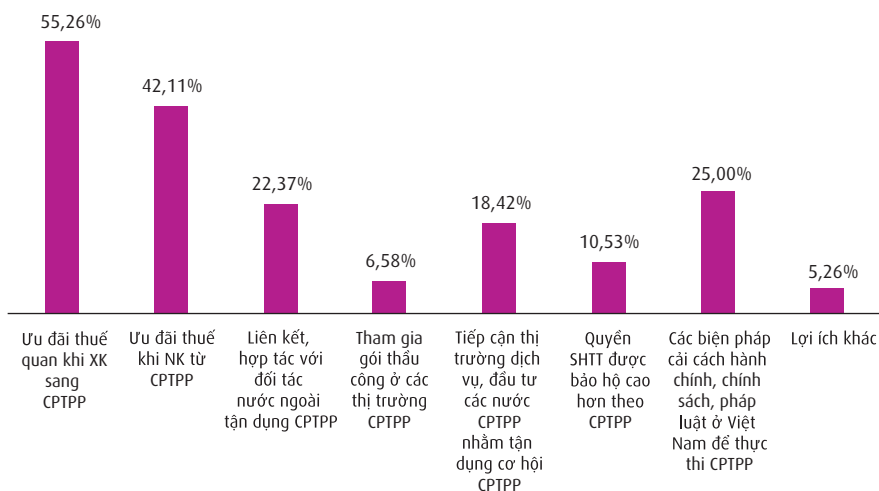
Về tác động cụ thể của CPTPP, mặc dù đa số doanh nghiệp có đánh giá tích cực về tác động chung của CPTPP, chỉ có 24,7% doanh nghiệp cho biết đã từng hưởng các lợi ích cụ thể từ Hiệp định này. Nói cách khác, cứ 4 doanh nghiệp thì mới có 1 doanh nghiệp đã từng được hưởng “trái ngọt” từ Hiệp định này.

Với các doanh nghiệp đã từng được hưởng lợi từ CPTPP, nhóm lợi ích phổ biến nhất vẫn là thuế quan, đặc biệt là ở các thị trường mới như Canada, Mexico. Các tác động tích cực về thể chế (thể hiện ở các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, điều chỉnh chính sách, pháp luật trong thời gian từ khi CPTPP được chính thức thực thi) cũng được các doanh nghiệp nhấn mạnh và chỉ đứng sau lợi ích về thuế quan.

Tiếp theo là các lợi ích kỳ vọng trong tương lai (trong các kế hoạch hợp tác, liên doanh với đối tác nước ngoài để tận dụng CPTPP, hay các dự kiến mở rộng thị trường với trợ lực từ Hiệp định này của doanh nghiệp). Một số ít doanh nghiệp thậm chí còn cảm nhận được lợi ích từ các cam kết quy tắc được coi là tiêu chuẩn cao trong CPTPP như các bảo hộ về quyền sở hữu trí tuệ...

Từ các kết quả này, có thể thấy lợi ích cụ thể mà doanh nghiệp thu được từ CPTPP trong 02 năm đầu thực thi Hiệp định là rất đa dạng, những khía cạnh khác ngoài lợi ích từ ưu đãi thuế quan đã bắt đầu được các doanh nghiệp hiện thực hóa.

Hình 4 - Các lợi ích mà CPTPP mang lại cho doanh nghiệp

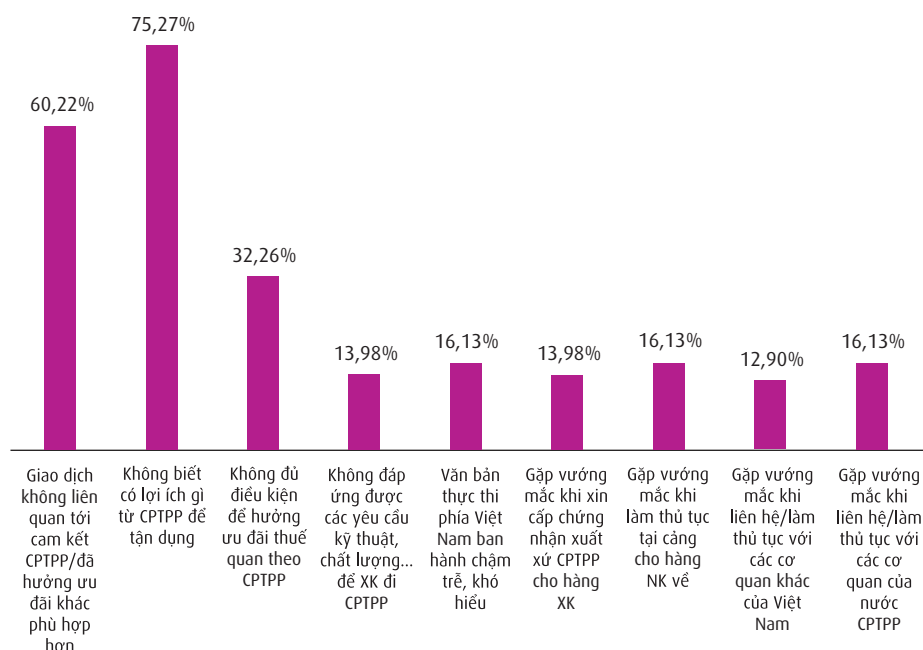


Với ¾ các doanh nghiệp chưa từng hưởng lợi ích trực tiếp nào từ CPTPP, lý do chủ yếu (60%) là họ không có bất kỳ hoạt động kinh doanh nào liên quan tới thị trường hay đối tác ở khu vực CPTPP trong 02 năm vừa qua.

Thực tế này không mấy ngạc nhiên khi CPTPP không phải là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam khi khối này chỉ chiếm chưa đầy 15% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019. Tuy vậy, kết quả này cho thấy sự cần thiết phải quảng bá về các cơ hội mới từ CPTPP, những lợi ích cụ thể có thể có, để các doanh nghiệp biết và nghĩ tới việc tận dụng, đặc biệt là với các thị trường mới, chưa thực sự quen thuộc với doanh nghiệp trong CPTPP.

Còn đối với các doanh nghiệp đã từng có giao dịch với các thị trường này nhưng chưa hưởng lợi từ CPTPP, lý do được phần lớn (75%) doanh nghiệp đề cập là họ không biết có cơ hội nào từ CPTPP. Cũng có một tỷ lệ đáng kể (60%) trong nhiều trường hợp không thấy có cam kết CPTPP liên quan hoặc do đã hưởng ưu đãi khác phù hợp hơn. Một số ít doanh nghiệp (14-16%) nêu các lý do khác như các văn bản hướng dẫn ban hành chậm, thủ tục hưởng ưu đãi phức tạp, quy trình cấp phép khó khăn, hay khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của nước nhập khẩu của doanh nghiệp còn hạn chế...

Hình 5 - Những lý do cản trở doanh nghiệp hưởng lợi từ CPTPP thời gian qua



Không chỉ mang đến những cơ hội, CPTPP còn tạo ra không ít những thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả khảo sát doanh nghiệp đã chỉ ra, trong 02 năm đầu thực thi Hiệp định, có khoảng 4% các doanh nghiệp phải đối mặt với những thiệt hại do sức ép cạnh tranh (phổ biến nhất là thiệt hại do sản phẩm của doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt hơn với hàng hóa nhập khẩu hưởng ưu đãi từ CPTPP) cũng như chi phí tuân thủ (các khoản chi phí tăng thêm để sẵn sàng cho các cam kết tiêu chuẩn cao về sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường trong CPTPP). ■

3

THỰC TẾ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU
CỦA DOANH NGHIỆP VỚI CÁC ĐỐI TÁC

CPTPP

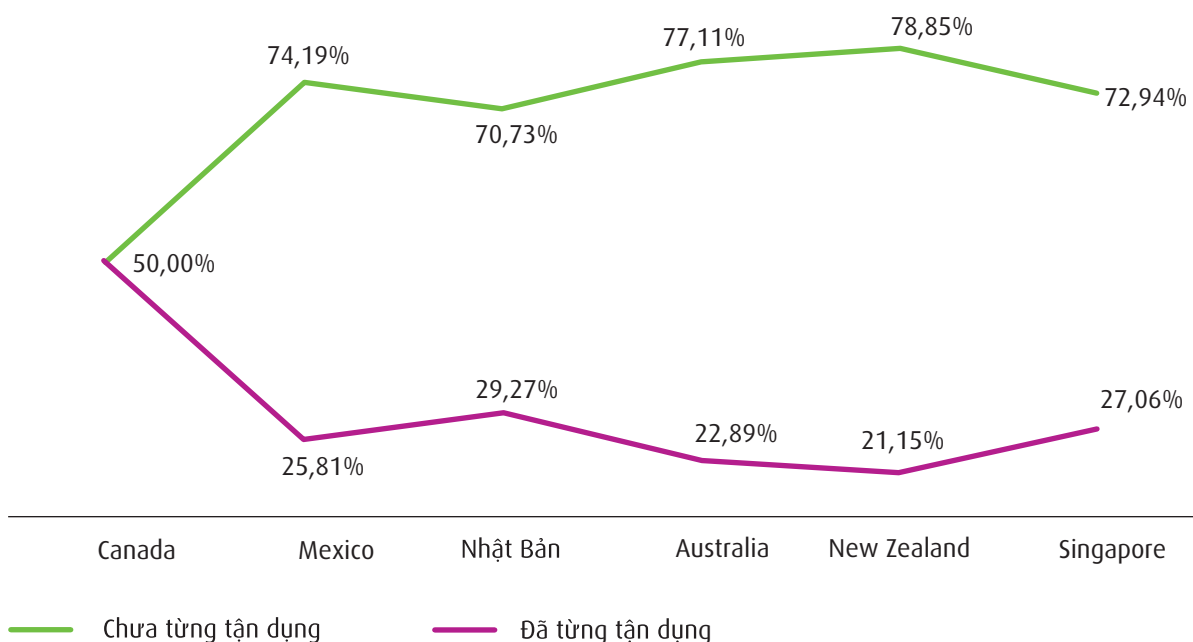
Khi tìm hiểu sâu hơn về thực tế hoạt động xuất nhập khẩu với các đối tác CPTPP, Khảo sát nhận diện được những thực tế đáng chú ý. Trong tổng thể, Nhật Bản vẫn là thị trường có mối liên hệ chặt chẽ nhất với các doanh nghiệp Việt Nam trong CPTPP (40% doanh nghiệp cho biết có hoạt động xuất nhập khẩu với thị trường này), tiếp đó là các thị trường Australia, Singapore, Canada (25-28%).

Tuy nhiên, bức tranh chung này có sự khác biệt ở các nhóm doanh nghiệp, đối với các doanh nghiệp Nhà nước, Singapore mới là thị trường quen thuộc và phổ biến hơn. Còn với khối doanh nghiệp FDI, Nhật Bản, Australia và mới đây là Canada, là các bạn hàng thường xuyên.

Về mức độ tận dụng các ưu đãi thuế quan trong trường hợp có hoạt động xuất nhập khẩu với các đối tác trong CPTPP, mặc dù cùng là các thị trường mới trong CPTPP, Canada là thị trường có tỷ lệ doanh nghiệp từng có lô hàng tận dụng được ưu đãi thuế quan CPTPP cao nhất (50% doanh nghiệp), trong khi Mexico cũng là thị trường mới nhưng chỉ hơn 1/4 doanh nghiệp từng làm được điều này.

Cũng ở hai thị trường này, các doanh nghiệp FDI và dân doanh đã khởi động để tận dụng các ưu đãi thuế quan đầu tiên, trong khi các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước lại hầu như chưa từng tận dụng được cơ hội này. Với các thị trường còn lại trong CPTPP, nơi Việt Nam đã có chung một hoặc nhiều FTA trước đó, tỷ lệ doanh nghiệp từng có lô hàng tận dụng được ưu đãi thuế quan CPTPP dao động từ 21-29%.

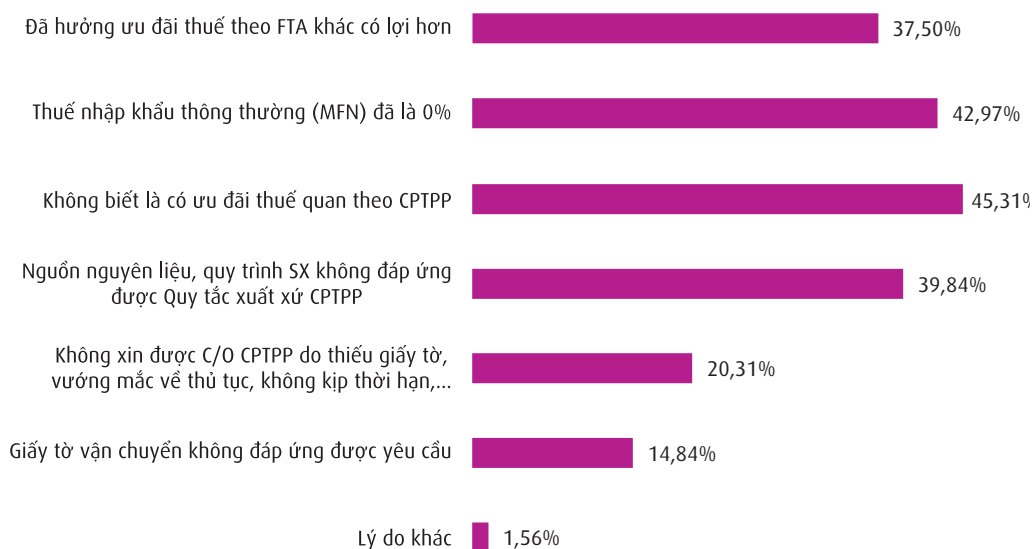
Hình 6 - Tình hình tận dụng ưu đãi thuế quan CPTPP của doanh nghiệp



Các lý do cản trở doanh nghiệp tận dụng được ưu đãi thuế quan CPTPP tập trung ở 02 nhóm chính. Một là các lý do “tích cực”, như thuế MFN đã là 0% nên không cần thiết sử dụng ưu đãi thuế quan (43% doanh nghiệp đề cập), hay đã sử dụng ưu đãi thuế theo các FTA khác (37%)... Hai là các nguyên nhân “tiêu cực”, như không đáp ứng được các yêu cầu về xuất xứ (40%), gặp vướng mắc về thủ tục hay để lỡ hạn xin cấp chứng nhận xuất xứ (20%), thiếu các giấy tờ vận chuyển cần thiết (15%)....

Đáng chú ý, lý do lớn nhất mà cũng gây tiếc nuối nhiều nhất, là việc doanh nghiệp không biết về ưu đãi thuế CPTPP cho lô hàng của mình (45% nêu lý do này). Rõ ràng việc quảng bá về các cơ hội mới từ CPTPP, những lợi ích về thuế quan trong CPTPP để các doanh nghiệp biết và nghĩ tới việc tận dụng là điều rất cần thiết.

Hình 7 - Lý do từng cản trở doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan CPTPP





Trên thực tế, các vấn đề cản trở doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan CPTPP cũng có sự khác biệt nhất định đối với từng nhóm doanh nghiệp.

Với các doanh nghiệp dân doanh, lý do phổ biến nhất (53% doanh nghiệp nêu) là không biết về ưu đãi thuế quan CPTPP. Dường như sự chủ động tìm hiểu thông tin của các doanh nghiệp nhóm này đang là vấn đề lớn nhất cản trở họ hưởng lợi từ ưu đãi này của Hiệp định.

Với 80% doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, lý do khiến họ chưa tận dụng được ưu đãi thuế quan CPTPP nằm ở việc "nguồn nguyên liệu, công đoạn sản xuất của doanh nghiệp... không đáp ứng được các quy tắc xuất xứ". Rõ ràng sự linh hoạt trong chuỗi cung ứng và dây chuyền sản xuất kinh doanh có lẽ là bài toán cần lời giải để nhóm này có thể chớp các cơ hội từ CPTPP nói riêng và các FTA nói chung.

Trong khi đó, việc không hưởng ưu đãi thuế CPTPP của doanh nghiệp FDI lại là sự lựa chọn có chủ ý rõ ràng, khi họ từ bỏ ưu đãi thuế CPTPP chủ yếu do thuế MFN hoặc thuế theo các FTA tốt hơn CPTPP. ■



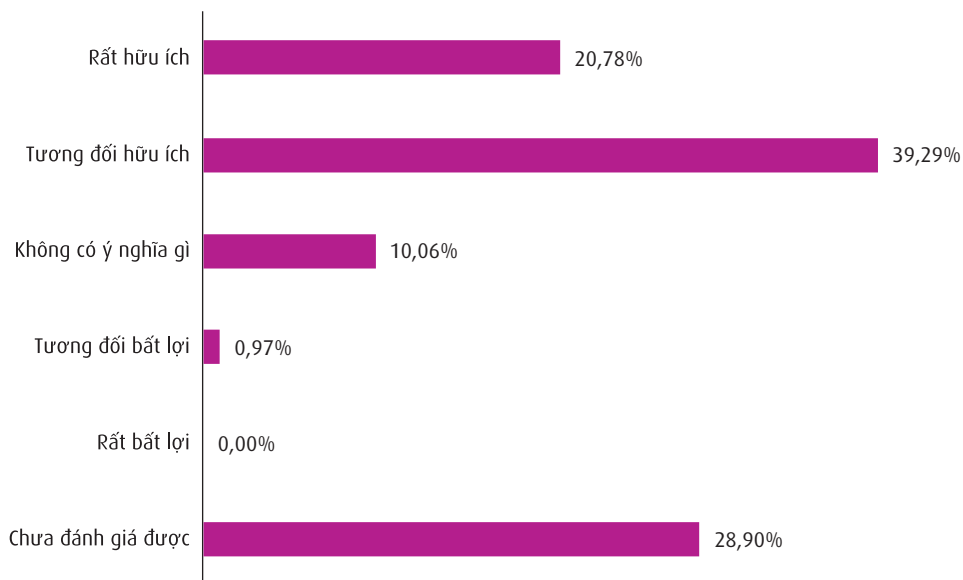
PHẢN ỨNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ VAI TRÒ CỦA



Hơn phân nửa thời gian có hiệu lực của CPTPP, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị xáo trộn theo cách chưa từng có tiền lệ bởi đại dịch COVID-19. Dự báo doanh nghiệp sẽ phải chuẩn bị cho kịch bản sống chung với COVID-19 theo cách thức đặc biệt – kinh doanh trong bối cảnh “bình thường mới”.

Đánh giá về vai trò của CPTPP và các FTA trong tương lai hậu COVID-19, có 60% cho rằng CPTPP và các FTA sẽ tương đối hoặc rất hữu ích cho họ trong giai đoạn “bình thường mới”, lớn hơn mức 47% doanh nghiệp đánh giá CPTPP và các FTA có tác động tích cực trong thời gian đã qua. Có khoảng 10% doanh nghiệp cho rằng CPTPP và các FTA hầu như sẽ không có ý nghĩa gì trong việc này, 29% doanh nghiệp không chắc chắn về chuyện CPTPP hay các FTA có thể có tác động gì, tiêu cực hay tích cực. Dường như trong tình huống khó khăn, mỗi cơ hội như CPTPP hay các FTA đều được doanh nghiệp đặt kỳ vọng nhiều hơn. ■

Hình 8 - Vai trò của CPTPP và các FTA trong hạn chế tác động bất lợi của COVID - 19 tới hoạt động kinh doanh



5

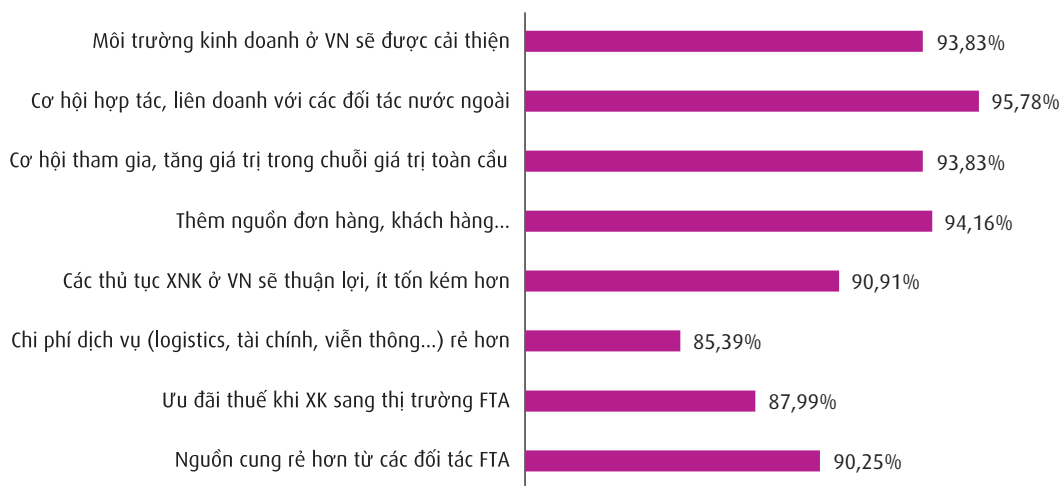
CPTPP

VÀ TƯƠNG LAI KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP

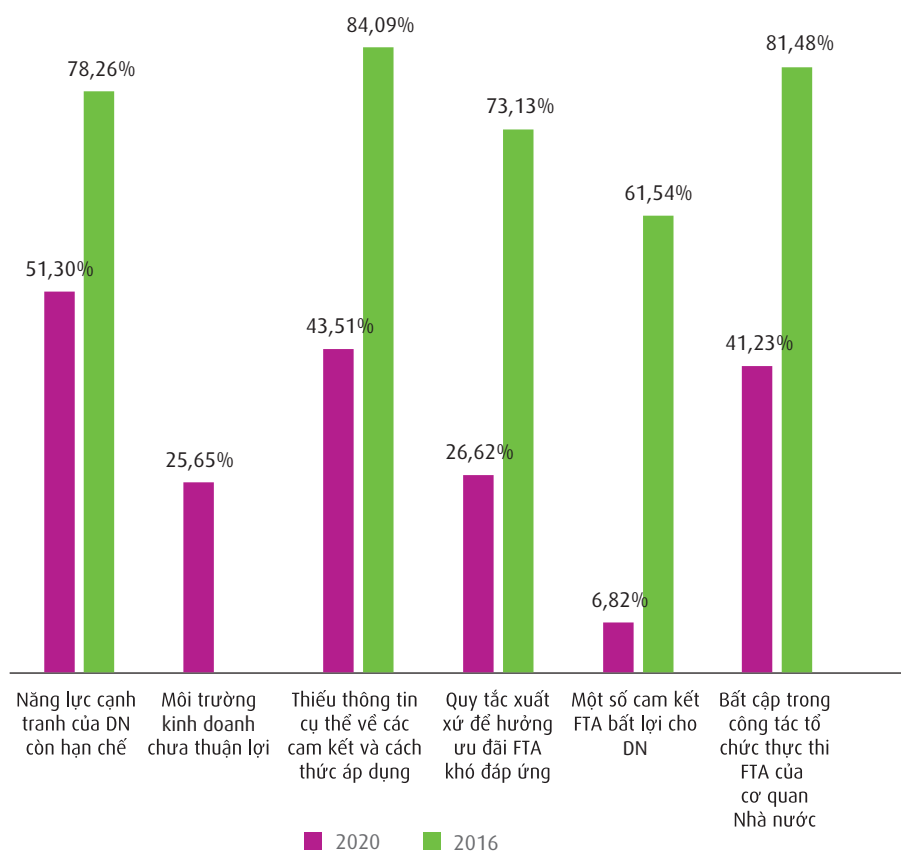
Trong một tương lai xa hơn, doanh nghiệp tỏ ra lạc quan về những lợi ích từ CPTPP và các FTA. Ở đó, các cơ hội về hợp tác liên kết kinh doanh, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu được các doanh nghiệp nhấn mạnh (94-96%) hơn là các cơ hội trực tiếp về thương mại hàng hóa (85-90%).

Doanh nghiệp cũng có quan ngại về một số yếu tố sẽ cản trở mình hiện thực hóa các cơ hội này, trong đó hàng đầu là sự thua kém về năng lực cạnh tranh của chính doanh nghiệp so với các đối thủ (51% doanh nghiệp đề cập), tiếp theo các biến động và bất định của thị trường (45%), các hạn chế trong công tác thực thi của các cơ quan Nhà nước chỉ đứng hàng thứ ba (41-43%).

Hình 9 - Kỳ vọng của doanh nghiệp vào các lợi ích của CPTPP và các FTA với hoạt động kinh doanh trong tương lai xa

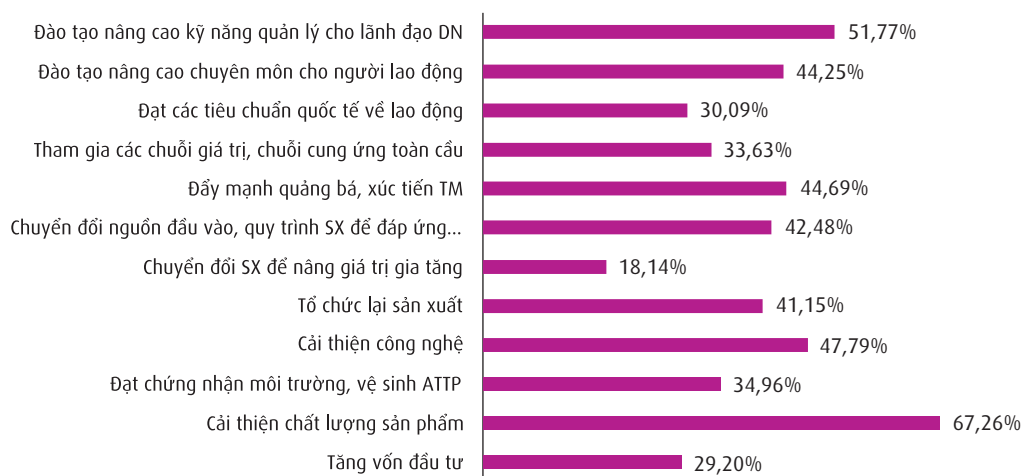


Hình 10 - Những yếu tố có thể cản trở doanh nghiệp hiện thực hoá các lợi ích kỳ vọng từ CPTPP và các FTA trong tương lai



Để chuẩn bị cho một tương lai mà ở đó CPTPP và các FTA có thể là một trợ lực hiệu quả, ¾ các doanh nghiệp cho biết họ đã/đang có kế hoạch điều chỉnh kinh doanh để tận dụng các Hiệp định này. Trong các kế hoạch này, doanh nghiệp ưu tiên cho các điều chỉnh để củng cố bản thân – cải thiện năng lực cạnh tranh nền tảng của doanh nghiệp, sau đó mới tới các tính toán để tận dụng các cơ hội thị trường trực diện từ CPTPP và các FTA, và cuối cùng là các kế hoạch để sẵn sàng cho những cơ hội tiềm xa.

Hình 11 - Các hướng điều chỉnh kinh doanh để chuẩn bị cho CPTPP và các FTA

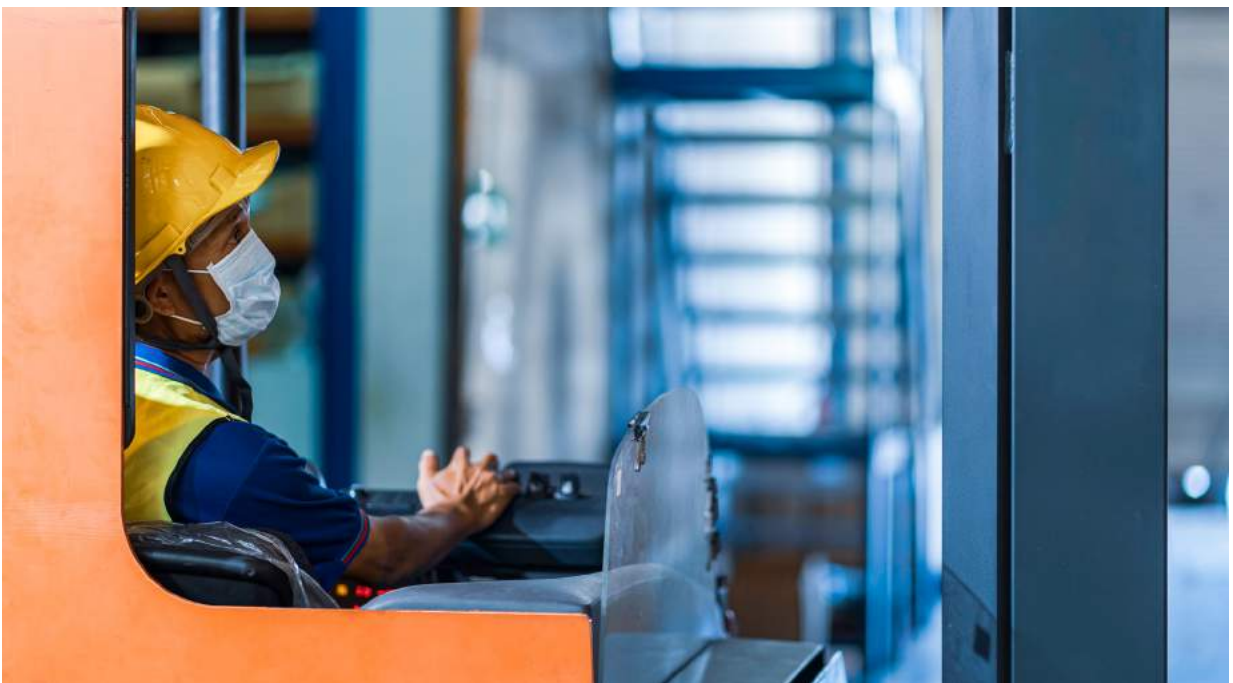
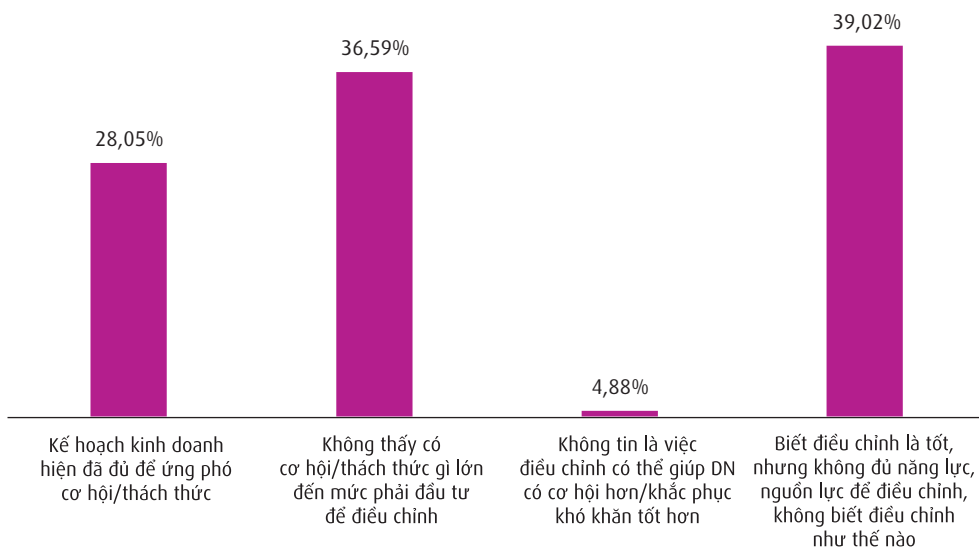


Đối với ¼ các doanh nghiệp còn lại không có kế hoạch điều chỉnh gì cho tương lai hội nhập CPTPP và các FTA, lý do lớn nhất lại là bởi họ không có đủ năng lực, nguồn lực để làm hoặc không biết phải điều chỉnh thế nào dù biết là điều chỉnh là cần thiết (39% doanh nghiệp, chủ yếu là siêu nhỏ, nhỏ).

Có 28-36% doanh nghiệp lựa chọn không điều chỉnh do không nhìn thấy sự cần thiết của việc điều chỉnh hay chuyển đổi. Họ hoặc là tự tin năng lực hiện tại đã đủ để tận dụng các cơ hội từ các FTA, hoặc là cho rằng các FTA không có tác động gì tới tương lai kinh doanh của họ.

Chỉ có 5% doanh nghiệp lựa chọn không điều chỉnh bởi không tin việc này có tác dụng gì cho mình. ■

Hình 12 - Lý do khiến doanh nghiệp không thực hiện điều chỉnh để chuẩn bị cho CPTPP và các FTA





MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỂ THỰC THI HIỆU QUẢ HƠN



Từ các kết quả 02 năm đầu thực thi CPTPP, có thể thấy Hiệp định này đã có những tác động tích cực bước đầu, mang tới những lợi ích thực tế cho một số doanh nghiệp. Mặc dù vậy, những gì đã đạt được còn thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng, mà nguyên nhân không chỉ từ các biến cố khách quan như tình hình căng thẳng thương mại toàn cầu hay đại dịch COVID-19, mà còn ở các vấn đề chủ quan của chính Nhà nước và các doanh nghiệp. Trên cơ sở các phát hiện này, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần rút kinh nghiệm và có những giải pháp thích hợp để “dọn mình” tốt hơn, sẵn sàng thực thi hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Với các cơ quan Nhà nước, liên quan tới việc tổ chức thực thi CPTPP, cần có một đầu mối chính thức để thông tin, tư vấn và giải thích về nội dung cam kết cho doanh nghiệp và các cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm thực thi. Đồng thời, cần thường xuyên theo dõi tình hình, tổng hợp các vướng mắc và có biện pháp xử lý kịp thời.

Hoạt động phổ biến tuyên truyền về CPTPP được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước trong thời gian tới cần đi vào chi tiết, với các nội dung được thiết kế theo hướng thực tiễn, ngắn gọn, phù hợp với mối quan tâm của từng nhóm đối tượng doanh nghiệp cụ thể. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp cần tập trung vào các hoạt động thực chất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, xúc tiến thương mại ở tầm quốc gia một cách hệ thống đặc biệt là ở các thị trường mới, cập nhật thông tin thị trường và kết nối cung cầu. Các hoạt động này cũng cần được thiết kế theo các nhóm đối tượng riêng, với ưu tiên đặc biệt dành cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ.

Với các doanh nghiệp, chủ động tìm hiểu cơ hội, cam kết CPTPP và hành động hiện thực hóa những lợi ích từ Hiệp định là đòi hỏi quan trọng nhất.

Nâng cao năng lực cạnh tranh mà bắt đầu từ năng lực cạnh tranh của sản phẩm không chỉ là công việc thường xuyên phải thực hiện mà còn là chìa khóa để doanh nghiệp chớp được các cơ hội từ quá trình hội nhập CPTPP và các FTA.

Liên kết và hợp tác trong kinh doanh để cùng mạnh, qua đó thu lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp từ quá trình này cũng là điều cần đặc biệt chú ý. Cũng như vậy, thay vì những nỗ lực đơn lẻ kém hiệu quả, doanh nghiệp cần hợp tác (trong khuôn khổ VCCI hay các hiệp hội doanh nghiệp) để vận động chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, qua đó giải phóng sức sáng tạo và hội nhập thành công. ■



Doanh nghiệp có thể tải **Báo cáo “Việt Nam sau 02 năm thực thi CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp”** tại trang web của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link sau: <https://trungtamwto.vn/file/20684/bao-cao-danh-gia-tinh-hinh-viet-nam-sau-2-nam-thuc-thi-cptpp-tu-goc-nhin-doanh-nghiep.pdf> (Trungtamwto.vn > Ấn phẩm – Tài liệu > FTA)

THÔNG TIN VỀ CÁC FTA CỦA VIỆT NAM CUNG CẤP BỞI TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP – PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

- Website www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> Mục FTA >> CPTPP (<https://trungtamwto.vn/fta/175-cptpp-tp11/1>)
- Facebook: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI
- Đường dây tư vấn, Dịch vụ tư vấn theo vụ việc
(Email: banthuky@trungtamwto.vn;
Điện thoại: 024 3577 1458)

Giấy phép xuất bản số: 50/GP-XBBT, ngày 21/08/2020

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Thiết kế đồ họa: tranhamy.kts17@gmail.com

In tại Công ty TNHH Một Thành Viên In Công Nghiệp Ánh Dương

[illegible]

□ □
□ □
□ □
□ □
□ □
□ □
□ □
□ □

□ □
□ □
□ □
□ □
□ □
□ □

☐ ☐
☐ ☐
☐ ☐
☐ ☐

■ ■
■ ■